

**SỔ TAY HƯỚNG DẪN  
NUÔI DẠY TRẺ  
THÀNH PHỐ  
HIGASHIHIROSHIMA  
(Bản Tiếng Việt)**



**Thành phố Higashihiroshima**

### Lời mở đầu

Cuốn sổ tay nuôi dạy trẻ này được biên soạn với mong muốn giúp xóa bớt những lo lắng, khó khăn của Quý cư dân người nước ngoài trong quá trình chăm sóc, nuôi dạy con nhỏ, cũng như để mọi người có thể tận hưởng cuộc sống nuôi dạy trẻ vui vẻ, hạnh phúc khi sinh sống tại Thành phố Higashihiroshima.

Chúng tôi hi vọng rằng cuốn sổ tay này sẽ hữu ích đối với Quý cư dân – những người đang nuôi dạy con tại Nhật bản, nơi có nhiều điểm khác biệt so với đất nước mẹ đẻ.

Tháng 4 năm 2025

Thị trưởng Thành phố Higashihiroshima

**【Thông tin liên hệ】** ※ ☎: Số điện thoại ☎: Số FAX

● Cơ quan hành chính Thành phố Higashihiroshima <https://www.city.higashihiroshima.lg.jp>

○ Ban Thị dân (市民課 Shimin-ka) ☎082-420-0915

○ Ban Chăm sóc sức khỏe y tế (医療保健課 Iryo Hoken-ka) ☎082-420-0936

○ Ban Nuôi dạy trẻ (保育課 Hoiku-ka) ☎082-420-0934 ☎082-422-6669

○ Ban Gia đình trẻ em (こども家庭課 Kodomo Katei-ka)

Bộ phận phụ trách Nuôi dạy trẻ (子育て総務係 Kosodate Somu-gakari) ☎082-420-0941

Bộ phận phụ trách hỗ trợ nuôi dạy trẻ (子育て支援係 Kosodate Shien-gakari)/Bộ phận phụ trách sức khỏe Mẹ và bé (母子保健係 Boshi Hoken-gakari) ☎082-420-0407 ☎082-424-1678

○ Ban Hưu trí bảo hiểm sức khỏe quốc dân (国保年金課 Kokuho nenkin-ka) ☎082-420-0933 ☎082-422-0334

○ Ban Phúc lợi người khuyết tật (障がい福祉課 Shougai Fukushi-ka) ☎082-420-0180 ☎082-420-0181

○ Nơi khám bệnh ngày nghỉ (休日診療所 Kyuujitsu Shinryousho) ☎082-422-5400

○ Trung tâm hỗ trợ tổng hợp nuôi dạy trẻ và người khuyết tật “Heartful” (子育て・障がい総合支援センター (はあとふる) Kosodate Shougai Sogo Shien Center) ☎082-493-6071 ☎082-424-3841

○ Ban Học sự (学事課 Gakuji-ka) ☎082-420-0975

○ Ban Chỉ đạo (指導課 Shidou-ka) ☎082-420-0976

○ Ban Nuôi dạy thanh thiếu niên (青少年育成課 Seishounen Ikusei-ka) ☎082-420-0929

● Tỉnh Hiroshima

○ Trung tâm Sức khỏe Seibuhigashi (西部東保健所 Seibu-higashi Hokenjo) ☎082-422-6911 ☎082-422-5048

● Cục Quản lý xuất nhập cảnh Hiroshima (広島入国管理局 Hiroshima Nyuukoku Kanri-kyoku)

○ Trung tâm thông tin tổng hợp lưu trú người nước ngoài (外国人在留総合インフォメーションセンター Gaikokujin Zairyu Sogo Information Center) ☎0570-013904 (IP, PHS, nước ngoài: 03-5796-7112)

(※Ngôn ngữ hỗ trợ: Tiếng Anh, Tiếng Hàn, Tiếng Trung, Tiếng Tây Ban Nha, v.v...)

## Mục lục

|                                                                                                                                                                                                                            |    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Việc cần làm và thời điểm tiến hành いつ何をしたらよいか                                                                                                                                                                             | 3  |
| 1. Mang thai (妊娠 <i>Ninshin</i> )                                                                                                                                                                                          | 4  |
| Khi mang thai (妊娠したら <i>Ninshin Shitara</i> )                                                                                                                                                                              | 4  |
| Quản lý sức khỏe thai phụ (妊婦の健康管理 <i>Ninpu-no-Kenkou Kanri</i> )                                                                                                                                                          | 6  |
| Kiến thức nuôi dạy con cái (子育ての知識 <i>Kosodate-no-Chishiki</i> )                                                                                                                                                           | 7  |
| 2. Sinh con (出産 <i>Shussan</i> )                                                                                                                                                                                           | 8  |
| Những thủ tục khai báo cần thiết (必要な届出)                                                                                                                                                                                   | 8  |
| Các loại trợ cấp phúc lợi (各種手当の支給)                                                                                                                                                                                        | 9  |
| Có rất nhiều chế độ dành cho các gia đình có con dưới 20 tuổi chẳng may bị khuyết tật về thể chất, trí tuệ hoặc tinh thần. Đầu tiên, xin vui lòng trao đổi với cơ quan phụ trách. Quản lý sức khỏe Mẹ và Bé (母親と赤ちゃんの健康管理) | 12 |
| Tiêm chủng phòng bệnh (予防接種)                                                                                                                                                                                               | 14 |
| 3. Sử dụng các cơ sở vật chất hỗ trợ nuôi dạy trẻ, v.v... (子育て支援施設等を利用する <i>Kosodate shien shisetsu</i> )                                                                                                                  | 15 |
| Trung tâm hỗ trợ tổng hợp nuôi dạy trẻ và người khuyết tật (Heartful) (子育て・障がい総合支援センター (はあとふる) <i>Kosodate Shogai sogo shien center</i> )                                                                                  | 15 |
| Trung tâm nhi đồng thanh thiếu niên (児童青少年センター <i>Jido-seishonen center</i> )                                                                                                                                              | 16 |
| Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ khu vực (地域子育て支援センター <i>Chiiki kosodate shien center</i> )                                                                                                                                   | 16 |
| Nhà thiếu nhi (児童館 <i>Jido-kan</i> )                                                                                                                                                                                       | 19 |
| Circle nuôi dạy trẻ・Salon nuôi dạy trẻ (子育てサークル・子育てサロン)                                                                                                                                                                    | 19 |
| Các dịch vụ và cơ sở hỗ trợ nuôi dạy trẻ khác (その他の子育て支援施設・サービス)                                                                                                                                                           | 20 |
| 4. Nhà trẻ, Nhà trẻ phức hợp được công nhận, Cơ sở giữ trẻ quy mô nhỏ (保育所・認定こども園・小規模保育事業 <i>Hoikusho/ Mintei kodomo-en/ Shokibo hoiku jigyo</i> )                                                                         | 23 |
| Đăng ký vào học Nhà trẻ (保育所への入所)                                                                                                                                                                                          | 23 |
| Trường mầm non phức hợp được công nhận (認定こども園 <i>Nintei Kodomo-en</i> )                                                                                                                                                   | 24 |
| Cơ sở giữ trẻ quy mô nhỏ (小規模保育 <i>Shokibo hoiku</i> )                                                                                                                                                                     | 24 |
| Danh sách nhà trẻ (保育施設一覧)                                                                                                                                                                                                 | 24 |
| Nhà trẻ ngoài tiêu chuẩn Ninkagai (認可外保育施設 <i>Ninkagai hoiku shisetsu</i> )                                                                                                                                                | 24 |
| Danh sách nhà trẻ ngoài tiêu chuẩn Ninkagai (認可外保育施設一覧)                                                                                                                                                                    | 24 |
| 5. Trường mẫu giáo (幼稚園 <i>Yochien</i> )                                                                                                                                                                                   | 25 |
| Đăng ký vào học trường mẫu giáo (幼稚園への入園)                                                                                                                                                                                  | 25 |
| 6. Trường tiểu học (小学校 <i>Shogakko</i> )                                                                                                                                                                                  | 25 |
| Thủ tục nhập học (新入学の手続き <i>Shinnyugaku no tetsuduki</i> )                                                                                                                                                                | 26 |
| Thủ tục chuyển trường (転入学の手続き <i>Tennyugaku no tetsuduki</i> )                                                                                                                                                            | 26 |
| Câu lạc bộ trẻ em sau giờ học (放課後児童クラブ <i>Hokago jido club</i> )                                                                                                                                                          | 27 |
| Tư vấn trao đổi đời sống học đường (学校生活相談 <i>Gakko seikatsu sodan</i> )                                                                                                                                                   | 28 |
| 7. Hỗ trợ các hộ gia đình đơn thân (ひとり親家庭への支援 <i>Hitorioya katei heno shien</i> )                                                                                                                                         | 29 |
| Trợ cấp, phụ cấp, v.v... (助成・手当など)                                                                                                                                                                                         | 29 |
| Quầy trao đổi, tư vấn (相談窓口)                                                                                                                                                                                               | 31 |
| Các loại bạo hành chủ yếu (虐待の主な種類)                                                                                                                                                                                        | 32 |
| Nơi liên hệ và trao đổi (相談・連絡の窓口)                                                                                                                                                                                         | 32 |
| 9. Chăm sóc y tế trường hợp khẩn cấp (緊急時の医療 <i>Kinkyuu ji no iryou</i> )                                                                                                                                                  | 33 |
| Cơ quan y tế làm việc ban đêm, ngày nghỉ (休日・夜間の診療)                                                                                                                                                                        | 33 |
| Hướng dẫn y tế (医療案内)                                                                                                                                                                                                      | 33 |
| 10. Thông tin về công viên (公園情報・図書館 <i>Kouen jyohou・Toshokan</i> )                                                                                                                                                        | 34 |

※Sổ tay hướng dẫn này biên soạn từ những thông tin cập nhật vào thời điểm tháng 3 năm 2025.

Vì thế sẽ có những thay đổi về chế độ, chính sách, v.v... Mọi thắc mắc xin vui lòng liên hệ các cơ quan phụ trách.

## Việc cần làm và thời điểm tiến hành いつ何をしたらよいか

|                                            | Mang thai                                                 | Sinh con                                                     | Khoảng 1 tháng sau sinh | Khoảng 3 ~ 4 tháng sau sinh | Khoảng 6 tháng sau sinh | Khoảng 1 tuổi | Khoảng 3 tuổi | 6 tuổi |
|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------------|-------------------------|---------------|---------------|--------|
| Sự phát triển của trẻ                      |                                                           |                                                              |                         |                             |                         |               |               |        |
| Khai báo                                   | Khai báo mang thai                                        | Đăng ký khai sinh<br>Tham gia bảo hiểm                       |                         |                             |                         |               |               |        |
| Trợ cấp                                    | Sổ tay sức khỏe Mẹ và Bé                                  | Xin cấp Tư cách lưu trú<br>Lấy Quốc tịch<br>Trợ cấp sinh con |                         |                             |                         |               |               |        |
|                                            |                                                           |                                                              |                         |                             |                         |               |               |        |
| Khám sức khỏe                              | Kiểm tra sức khỏe thai phụ                                |                                                              |                         |                             |                         |               |               |        |
| Tiền phòng                                 | Kiểm tra nhà khoa thai phụ                                |                                                              |                         |                             |                         |               |               |        |
|                                            |                                                           |                                                              |                         |                             |                         |               |               |        |
| Trào đổi                                   | Trung tâm hỗ trợ sinh con – nuôi dạy con Sukusuku Support |                                                              |                         |                             |                         |               |               |        |
| Thăm sức khỏe Mẹ và Bé                     |                                                           |                                                              |                         |                             |                         |               |               |        |
| Kiến thức nuôi dạy con                     | Lớp học làm cha mẹ                                        |                                                              |                         |                             |                         |               |               |        |
| Cơ sở sử dụng trong quá trình nuôi dạy con | Lớp học thai sản cho người đang đi làm                    |                                                              |                         |                             |                         |               |               |        |
|                                            | Lớp học thai sản                                          |                                                              |                         |                             |                         |               |               |        |

## 1. Mang thai (妊娠 Ninshin)

### Khi mang thai (妊娠したら Ninshin Shitara)

#### Giấy khai báo mang thai (妊娠届出書 Ninshin Todokede-sho)

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (こども家庭課 Kodomo Katei-ka) ☎082-420-0407

Sau khi được xác nhận là đã mang thai, xin vui lòng nộp Giấy khai báo mang thai đến Sukusuku Support (Ban Gia đình trẻ em) hoặc các Sukusuku Support khu vực. Cơ quan phụ trách sẽ cấp cho bạn sổ tay sức khỏe mẹ và bé, đồng thời được giới thiệu về “Higashihiroshima Sukusuku plan”, trong đó sẽ hướng dẫn những thủ tục cần tiến hành, các dịch vụ hỗ trợ, các chính sách chế độ trong từng giai đoạn, nơi có thể trao đổi tư vấn về các vấn đề mà ba mẹ lo lắng, v.v...từ giai đoạn mới mang thai cho đến sau khi sinh con, nuôi dạy con nhỏ.

※Để nhận sổ, v.v... cần đặt lịch trước và gửi trả lời bằng câu hỏi về tình hình sức khỏe mang thai qua Cổng thông tin thị dân Shimin Portal Site. Thông tin chi tiết xin vui lòng tham khảo trên [trang chủ Thành phố](#).

#### Sổ tay sức khỏe Mẹ và Bé (母子健康手帳 Boshi kenko techo)

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (こども家庭課 Kodomo Katei-ka) ☎082-420-0407

Sau khi nộp Giấy khai báo mang thai, sẽ được cấp cuốn Sổ tay sức khỏe Mẹ và Bé (母子健康手帳 hay còn gọi tắt Boshi techo, Sổ tay Mẹ Con) kèm theo một tập phiếu khám sức khỏe Mẹ và Bé (母子健康手帳別冊受診券セット Boshi kenko techo bessatsu jushinken setto, gồm các phiếu để khám vào các mốc thai kỳ, sau khi sinh, khám cho em bé). Sổ tay sức khỏe Mẹ và Bé sẽ ghi lại tất cả những thông tin sức khỏe cần thiết của người mẹ và em bé trong suốt thời kỳ mang thai, sau sinh cho đến khi con bước vào Tiểu học nên rất quan trọng, hãy giữ gìn cẩn thận và cần phải mang theo sổ này mỗi lần đi kiểm tra sức khỏe thai kỳ, tư vấn sức khỏe và tiêm phòng. Sổ tay này cũng có bản dịch sang tiếng nước ngoài (có bản Tiếng Việt).

Ngoài ra, khi chuyển đến từ thành phố khác, không cần phải đổi Sổ tay sức khỏe Mẹ và Bé. Tuy nhiên, nếu đang trong thai kỳ hoặc có con dưới 1 tuổi cần thiết phải đổi Phiếu khám sức khỏe, vì thế xin vui lòng trao đổi.

#### Trung tâm hỗ trợ Mang thai và Sinh sản Sukusuku (gọi tắt: Sukusuku Support)

#### (妊娠・出産サポートセンター すくすく Ninshin/shussan Support Center Sukusuku)

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (こども家庭課 Kodomo Katei-ka) ☎082-420-0407

Những điều phối viên chăm sóc sức khỏe mẹ và bé (là người có chứng chỉ y tá cộng đồng hoặc hộ sinh) sẽ hỗ trợ để người mẹ có thể yên tâm trong việc chăm sóc, nuôi dạy trẻ qua các thời kỳ từ giai đoạn mang thai cho đến giai đoạn chăm nuôi con nhỏ.

- Địa điểm: Ban Gia đình trẻ em Cơ quan hành chính Thành phố Higashihiroshima

(Giờ làm việc: các ngày trong tuần từ 8:30 ~ 17:15 ☎082-420-0407)

- **Sukusuku Support hiện đang làm những việc gì?**

1. Cấp Sổ tay sức khỏe Mẹ và Bé
2. Dịch vụ cử người trợ giúp trước sinh và sau sinh/phái cử người trợ giúp sản phụ đa thai
3. Lớp học thai sản, Lớp học làm cha mẹ Papa Mama, Lớp học thai sản cho người đang đi làm
4. Tư vấn từ thời kỳ mang thai đến khi nuôi con nhỏ (Quầy tiếp nhận, Điện thoại, Đến nhà thăm hỏi)
5. Dịch vụ chăm sóc sau sinh (hình thức đi về trong ngày, trú lại qua đêm hoặc thăm tại nhà)
6. Trao đổi tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ
7. Khóa học refresh sau sinh, giúp người mẹ thư giãn

- **Để gần gũi hơn! Dịch vụ Sukusuku Support tại địa phương**

Nhằm xây dựng một môi trường dễ dàng hơn cho việc trao đổi tư vấn, “Sukusuku Support” đã gắn kết với các trung tâm hỗ trợ chăm sóc nuôi dạy trẻ tại 12 địa điểm khác nhau trong thành phố. Có thể sử dụng ngay từ giai đoạn tam cá nguyệt đầu tiên, vì thế xin đừng ngại, hãy cứ thoải mái đến trao đổi nhé.

| Tên tổ chức                                                                                             | Địa chỉ/ Thời gian làm việc/ Số điện thoại                                                                                                                                                                 |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Sukusuku Support Saijo-Kita</b><br>(Bên trong Nikoniko Room –<br>Nhà trẻ Seiun)                      | Saijo-cho, Jike 1427<br>Thứ Hai ~ Thứ Sáu (trừ ngày lễ) 9:00~14:00<br>☎082-426-4114 (cần đăng ký hẹn lịch trước)                                                                                           |
| <b>Sukusuku Support Jike</b><br>(Bên trong Co.op Hiroshima Kodomo<br>Ko-Plaza Higashihiroshima)         | Saijo-cho, Jike 6579-1<br>Chủ Nhật ~ Thứ Năm (trừ ngày lễ) 9:00~14:00<br>☎070-7428-8008 (cần đăng ký hẹn lịch trước)                                                                                       |
| <b>Sukusuku Support Saijo-Minami</b><br>(Bên trong Yurikago Ai-ikuen Kodomo-en)                         | Saijo-cho, Misonou 6245-1<br>Thứ Hai ~ Thứ Sáu 10:00~15:00<br>Chủ Nhật (1~2 lần/tháng) 10:00~15:00<br>☎090-8609-0864 (không cần đăng ký hẹn lịch trước, tùy vào các<br>nội dung sẽ có trường hợp thay đổi) |
| <b>Sukusuku Support Hachihonmatsu</b><br>(Bên trong Konpeitou –<br>Nhà trẻ Aoi Hachihonmatsu)           | Hachihonmatsuhigashi 6-6-28<br>Thứ Hai ~ Thứ Sáu (trừ ngày lễ) 9:00~14:30<br>☎082-428-0030 (cần đăng ký hẹn lịch trước)                                                                                    |
| <b>Sukusuku Support Hachihonmatsu Chuo</b><br>(Trong Hachihonmatsu Taiyo Nintei<br>Kodomo-en)           | Hachihonmatsu-cho, Hara 10128-196<br>Thứ Hai ~ Thứ Sáu (trừ ngày lễ) 9:30~12:00, 13:00~15:30<br>☎080-8246-8119                                                                                             |
| <b>Sukusuku Support Shiwa</b><br>(Trong Tatsunoko Shiwa Ryujo Kodomo-en)                                | Shiwa-cho, Shiwanishi 1456-3<br>Thứ Ba ▪ Thứ Năm ▪ Thứ Sáu (trừ ngày lễ) 9:30~14:30<br>☎080-6240-4406 (cần đăng ký hẹn lịch trước)                                                                         |
| <b>Sukusuku Support Takaya</b><br>(Trong Mother Goose no Heya Samueru<br>Higashihiroshima Kodomo-no-en) | Takaya-cho, Nakashima 490-5 ☎080-6263-0665<br>Thứ Hai ~ Thứ Năm (trừ ngày lễ) 8:30~13:30<br>Thứ Sáu (trừ ngày lễ) 8:30~12:30 / 14:00~16:00                                                                 |
| <b>Sukusuku Support Kurose</b><br>(Bên trong Trung tâm phúc lợi và bảo vệ sức<br>khỏe Kurose)           | Kurose-cho, Maruyama 1286-1<br>Thứ Hai ~ Thứ Sáu (trừ ngày lễ) 10:00~15:00<br>(có trường hợp cần hẹn lịch trước)<br>☎080-8984-9601 ☎080-8984-9602                                                          |
| <b>Sukusuku Support Fukutomi</b><br>(Bên trong Hohoemi –<br>Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ Fukutomi)     | Fukutomi-cho, Kuba 1545-1 (trong văn phòng chi nhánh Fukutomi)<br>Thứ Hai ~ Thứ Sáu (trừ ngày lễ) 10:00~15:00<br>(có trường hợp cần phải hẹn lịch trước) ☎082-435-2343                                     |
| <b>Sukusuku Support Toyosaka</b><br>(Bên trong Sumairu –<br>Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ Toyosaka)     | Toyosaka-cho, Kajiya 577-1<br>Thứ Hai ~ Thứ Sáu (trừ ngày lễ) 10:00~15:00<br>(có trường hợp cần phải hẹn lịch trước) ☎082-401-2022                                                                         |
| <b>Sukusuku Support Kochi</b><br>(Bên trong Sukusuku – Trung tâm hỗ trợ<br>nuôi dạy trẻ Kochi-Nishi)    | Kochi-cho, Kodo 802-2<br>Thứ Hai ~ Thứ Sáu (trừ ngày lễ) 10:00~15:00<br>(có trường hợp cần phải hẹn lịch trước) ☎082-430-3373                                                                              |
| <b>Sukusuku Support Akitsu</b><br>(Bên trong Jagakids –<br>Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ Akitsu)        | Akitsu-cho, Mitsu 5545-2<br>Thứ Hai ~ Thứ Sáu (trừ ngày lễ) 10:00~15:00<br>(có trường hợp cần phải hẹn lịch trước) ☎0846-46-1401                                                                           |

## **Quản lý sức khỏe thai phụ (妊婦の健康管理 Ninpu-no-Kenkou Kanri)**

### **Kiểm tra sức khỏe bà mẹ mang thai (妊婦健康診査 Ninpu kenko shinsa)**

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (こども家庭課 Kodomo Katei-ka) ☎082-420-0407

Khám và kiểm tra sức khỏe mẹ bầu trong suốt thai kỳ, v.v... sẽ có 14 lần (trường hợp đa thai 19 lần) được trợ cấp chi phí khám thai. Bên trong tập phiếu khám sức khỏe Mẹ và Bé sẽ có Phiếu hỗ trợ chi phí khám thai định kỳ “妊婦一般健康診査補助券 *Nimpu ippan kenkou shinsa hojo-ken*”. Có thể sử dụng những phiếu này khi khám thai tại các cơ sở y tế trong tỉnh Hiroshima. Nếu muốn sử dụng những phiếu khám này khi khám tại các cơ sở y tế ngoài tỉnh Hiroshima hoặc nhà hộ sinh xin vui lòng liên hệ trao đổi với cơ quan phụ trách.

Trường hợp chuyển nơi ở đến thành phố khác sẽ không thể sử dụng các phiếu này, vì vậy xin vui lòng liên hệ trao đổi với Thành phố nơi sẽ chuyển đến sinh sống. Ngoài ra, nếu chuyển từ thành phố khác đến đây cần phải tiến hành thủ tục thay đổi để có thể sử dụng những phiếu hỗ trợ chi phí khám thai.

### **Kiểm tra sức khỏe răng miệng bà mẹ mang thai (妊婦歯科健康診査 Ninpu shika kenko shinsa)**

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (こども家庭課 Kodomo Katei-ka) ☎082-420-0407

Thai phụ có thể khám kiểm tra sức khỏe răng miệng miễn phí 1 lần trong thai kỳ khi khám tại các cơ sở y tế chỉ định của Thành phố. Bên trong tập phiếu kiểm tra sức khỏe Mẹ và Bé sẽ có Phiếu kiểm tra sức khỏe răng miệng thai phụ “妊婦歯科健康診査受診票” (Phiếu màu cam). Hãy sử dụng phiếu này để đi khám răng. Cần phải liên hệ phòng khám nha khoa để đặt lịch trước.

Trong trường hợp chuyển đi thành phố khác hay từ thành phố khác chuyển đến thì những điều cần lưu ý khi sử dụng phiếu khám này cũng giống như Phiếu khám thai định kỳ.

### **Dịch vụ tư vấn hỗ trợ đồng hành – Odekake Sukusuku (伴走型相談支援 Bansou-gata soudan shien)**

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (こども家庭課 Kodomo Katei-ka) ☎082-420-0407

#### **●Tiền trợ cấp hỗ trợ cho phụ nữ mang thai**

Nhằm giúp cho những người phụ nữ đang mang thai, sinh con và nuôi con nhỏ có thể yên tâm, thành phố hỗ trợ một khoản trợ cấp để giảm gánh nặng tài chính như mua sắm đồ dùng sinh con, nuôi con, v.v...

Nếu bạn mới chuyển đến thành phố, hãy hỏi thêm thông tin khi làm thủ tục chuyển đến.

Nội dung: (1) Khi nộp giấy khai báo mang thai, người mang thai sẽ được trao đổi, xác nhận thông tin, sau đó phát và tiếp nhận đơn xin hỗ trợ.

#### **Số tiền trợ cấp: 50.000 yên**

(2) Sau khi khai báo số lượng thai nhi, từ 8 tuần trước ngày dự sinh, có thể nộp đơn xin trợ cấp lần 2.

#### **Số tiền trợ cấp: 50.000 yên x số lượng thai nhi**

#### **●Odekake Sukusuku – Tư vấn hỗ trợ đồng hành**

Dịch vụ này cung cấp tư vấn và hỗ trợ thiết thực, gần gũi từ thời kỳ mang thai đến khi nuôi con nhỏ.

Những người đủ điều kiện sẽ nhận được thông báo cá nhân. Sau khi gặp mặt trao đổi tại Sukusuku support, sẽ nhận được quà hỗ trợ.

(1) Dành cho mẹ bầu

- Đối tượng: thai phụ khoảng tháng thứ 8 của thai kỳ (từ tuần 24 trở đi)
- Nội dung: tặng đồ dùng chuẩn bị sinh con

(2) Dành cho mẹ và bé

- Đối tượng: trẻ khoảng 4 tháng tuổi
- Nội dung: tặng sản phẩm hỗ trợ nuôi con nhỏ

(3) Cùng bé bắt đầu với sách

- Đối tượng: trẻ khoảng 7 tháng tuổi
- Nội dung: tặng bộ sách đầu tiên cho bé

## **Kiến thức nuôi dạy con cái (子育ての知識 *Kosodate-no-Chishiki*)**

### **Lớp học làm cha mẹ Papa Mama (パパママ教室 *Papa mama kyoshitsu*)**

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (こども家庭課 *Kodomo Katei-ka*) ☎082-420-0407

Lớp học hướng dẫn về việc sinh con và chăm nuôi con dành cho các cặp vợ chồng sắp sửa đón chào thành viên mới trong gia đình. Khuyến khích mẹ bầu nên tham gia lớp học sau khi bước vào giai đoạn ổn định của thai kỳ (tháng thứ 6 ~ tháng thứ 8).

- Đối tượng tham gia: phụ nữ mang thai và người bạn đời (chồng hoặc đối tác)
- Nội dung: trải nghiệm tắm cho bé (hướng dẫn tắm cho trẻ sơ sinh, v.v...), trải nghiệm mang thai dành cho các ông bố, tương tác giữa cha mẹ và em bé (trò chuyện và kết nối với em bé trong bụng mẹ)
- Vật cần mang theo: Sổ tay sức khỏe Mẹ và Bé, dụng cụ ghi chép như bút, sổ tay, v.v...
- Đăng ký: cần phải đăng ký đặt lịch trước (ưu tiên theo thứ tự đăng ký)

### **Lớp học thai sản (マタニティ教室 *Maternity kyoshitsu*)**

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (こども家庭課 *Kodomo Katei-ka*) ☎082-420-0407

Lớp học giúp phụ nữ mang thai tìm hiểu về những điều cần chuẩn bị trước khi sinh, cách quản lý chăm sóc sức khỏe khi mang thai, chăm sóc trẻ sơ sinh, v.v... Đồng thời cũng là nơi để các mẹ bầu gặp gỡ, giao lưu với nhau. Khuyến khích nên tham gia lớp học sau khi bước vào giai đoạn ổn định của thai kỳ (tháng thứ 6 ~ tháng thứ 8).

- Đối tượng tham gia: phụ nữ đang mang thai có thể tham gia toàn bộ lịch trình lớp học (2 lần)
- Nội dung:

Buổi 1: trao đổi về thai kỳ, sinh nở và thời gian sau sinh, v.v... với hộ sinh và chuyên gia dinh dưỡng

Buổi 2: hướng dẫn chăm sóc trẻ sơ sinh và hỗ trợ sau sinh, v.v...

- Vật cần mang theo: Sổ tay sức khỏe Mẹ và Bé, dụng cụ ghi chép như bút, sổ tay, v.v...
- Đăng ký: cần phải đăng ký đặt lịch trước (ưu tiên theo thứ tự đăng ký)

## Lớp học dành cho thai phụ đang đi làm (ワーキングマタニティ教室 *Working maternity kyoshitsu*)

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (こども家庭課 *Kodomo Katei-ka*) ☎082-420-0407

Đây là lớp học dành cho các bà bầu đang đi làm và khó tham gia lớp học vào các ngày trong tuần. Hãy cùng nhau tìm hiểu về việc sinh đẻ, chăm sóc con của những người phụ nữ đang đi làm.

- Đối tượng tham gia: phụ nữ mang thai lần đầu đang đi làm
- Nội dung: thông tin về quá trình sinh con, chăm sóc trẻ sơ sinh, hỗ trợ trong thời kỳ mang thai, sinh con, chăm nuôi con, v.v...khi đang làm việc
- Đăng ký: cần phải đăng ký đặt lịch tham gia trước (ưu tiên theo thứ tự đăng ký)

## 2. Sinh con (出産 *Shussan*)

### Những thủ tục khai báo cần thiết (必要な届出)

#### Đăng ký khai sinh (出生届 *Shussei todoke*)

Nơi liên hệ: Ban Thị dân (市民課 *Shimin-ka*) ☎082-420-0915

Ngay cả đối với người nước ngoài đang sinh sống ở Nhật, sau khi sinh con tại Nhật cũng cần phải làm thủ tục đăng ký khai sinh tại Cơ quan hành chính Thành phố hoặc các văn phòng chi nhánh/ phòng công tác.

Ngoài ra, xin vui lòng đăng ký Giấy chứng nhận nội dung khai sinh (出生届記載事項証明書 *Shussei todoke kisai jiko shomeisho* giấy chứng nhận việc đăng ký khai sinh đã được thụ lý), đây là giấy cần thiết khi tiến hành đăng ký xin cấp tư cách lưu trú cho trẻ, v.v

- Thời hạn khai báo: trong vòng 14 ngày kể từ ngày sinh (bao gồm cả ngày trẻ sinh ra)
- Mục người khai sinh: Cha hoặc Mẹ của trẻ sơ sinh phải ký tên (Trường hợp Cha hoặc Mẹ không thể đến làm thủ tục thì người được ủy quyền cũng có thể thay thế nộp đơn.)
- Vật cần mang theo: Tờ khai đăng ký khai sinh 出生届 (Giấy chứng sinh bệnh viện đã điền và cấp), Sổ tay sức khỏe Mẹ và Bé

☆Trường hợp sinh con tại bệnh viện ⇒ Sau khi sinh, xin hãy nhớ lấy Giấy chứng sinh từ bệnh viện.

#### Thủ tục tham gia Bảo hiểm sức khỏe quốc dân (国民健康保険の加入手続き *Kokumin kenko hoken*)

Nơi liên hệ: Ban Hưu trí bảo hiểm sức khỏe quốc dân (国保年金課 *Kokuho nenkin-ka*) ☎082-420-0933

Trẻ vừa chào đời nếu không tham gia vào các bảo hiểm sức khỏe khác xin vui lòng tiến hành thủ tục tham gia Bảo hiểm sức khỏe quốc dân. Làm thủ tục tại quan hành chính Thành phố hoặc các văn phòng chi nhánh / phòng công tác. Sẽ tiện hơn nếu kết hợp làm thủ tục này cùng lúc với khi đi đăng ký khai sinh cho con.

Trường hợp cha mẹ đang tham gia Bảo hiểm sức khỏe của Công ty, v.v... xin vui lòng liên hệ với nơi làm việc.

- Vật cần mang theo: Giấy tờ xác minh nhân thân (Thẻ lưu trú, v.v...) của người nộp đơn, Giấy tờ chứng minh mã số cá nhân của Chủ hộ (My Number)

## **Đăng ký xin cấp Tư cách lưu trú (在留資格の取得 *Zairyu Shikaku*)**

Nơi liên hệ: Cục Quản lý xuất nhập cảnh Hiroshima (広島入国管理局 Hiroshima Nyuukoku Kanri-kyoku)

Xin vui lòng tiến hành thủ tục trong vòng 30 ngày tính luôn ngày trẻ sinh ra.

● Vật cần mang theo: Giấy chứng nhận các mục mô tả khai sinh (出生届記載事項証明書 *Shussei todoke kisai jiko shomeisho*), Thẻ lưu trú hoặc Giấy đăng ký người nước ngoài của Cha và Mẹ, Passport của Cha và Mẹ, Sổ tay sức khỏe Mẹ và Bé, Bản sao Phiếu cư trú (住民票 *Juminhyo*) ghi tất cả các thành viên trong gia đình.

Chi tiết xin vui lòng xác nhận với Cục quản lý xuất nhập cảnh Hiroshima.

## **Lấy quốc tịch cho con (国籍取得 *Kokuseki*)**

● Trường hợp Cha hoặc Mẹ có quốc tịch Nhật

Trong trường hợp hoặc Cha hoặc Mẹ có quốc tịch Nhật và kết hôn hợp pháp theo pháp luật, Con sinh ra có thể lấy quốc tịch Nhật.

Trường hợp người Cha có quốc tịch Nhật, Mẹ có quốc tịch nước ngoài và Cha Mẹ không kết hôn hợp pháp, nếu Cha không khai báo thừa nhận Con thì Con không thể lấy quốc tịch Nhật. Nếu có khai báo thừa nhận Con của người Cha thì Con có thể nhập quốc tịch Nhật ngay từ khi mới sinh ra, tuy nhiên nếu sau sinh có khai báo xác nhận quan hệ huyết thống thì cần phải làm thủ tục nhập quốc tịch Nhật tại Cục pháp vụ ngay sau khi nộp khai báo xác nhận Con.

Về việc lấy thêm một quốc tịch nước ngoài của Cha hoặc Mẹ (người không mang quốc tịch Nhật) thì cũng phải tiến hành thủ tục giống với trường hợp cả Cha và Mẹ đều mang quốc tịch nước ngoài. Nội dung cụ thể xin vui lòng xác nhận với Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán tại Nhật.

● Trường hợp Cha và Mẹ đều mang quốc tịch nước ngoài

Trong trường hợp cả Cha và Mẹ đều có quốc tịch nước ngoài thì cho dù có sinh con tại Nhật đi chăng nữa thì em bé cũng không thể lấy được quốc tịch Nhật mà sẽ lấy quốc tịch theo luật pháp của quốc gia Cha và Mẹ mang hộ tịch.

Thủ tục cũng như hồ sơ cần thiết, v.v... sẽ khác nhau tùy theo mỗi quốc gia, vì vậy xin vui lòng xác nhận với Đại sứ quán hay Lãnh sự quán tại Nhật.

## **Các loại trợ cấp phúc lợi (各種手当の支給)**

### **Trợ cấp sinh con bảo hiểm sức khỏe quốc dân (国民健康保険出産育児一時金の支給)**

#### ***Kokumin kenko hoken Shussan ikuji ichiji-kin***

Nơi liên hệ: Ban Hưu trí bảo hiểm sức khỏe quốc dân (国保年金課 Kokuho nenkin-ka) ☎082-420-0933

Người tham gia Bảo hiểm sức khỏe quốc dân khi sinh con (bao gồm cả trường hợp thai chết lưu, sảy thai khi thai kỳ từ 85 ngày trở lên) sẽ được Bảo hiểm sức khỏe quốc dân chu cấp tiền trợ cấp sinh con một lần cho chủ hộ.

Trường hợp không muốn sử dụng chế độ thanh toán trực tiếp xin vui lòng đăng ký nhận trợ cấp với Cơ quan hành chính Thành phố.

Trường hợp sử dụng chế độ thanh toán trực tiếp, Thành phố thanh toán trực tiếp tiền trợ cấp sinh con cho bệnh viện, vì thế không cần phải tiến hành thủ tục tại Cơ quan hành chính Thành phố. Tuy nhiên, nếu chi phí sinh con ít hơn số tiền trợ cấp xin vui lòng nộp đơn đăng ký lên Cơ quan hành chính Thành phố sau khi sinh con. Trường hợp

sinh con tại nước ngoài xin hãy liên hệ trao đổi cụ thể.

●Vật cần mang theo: Giấy đồng ý liên quan đến việc thanh toán trực tiếp được cấp từ bệnh viện, v.v..., hóa đơn, biên lai/sao kê chi phí sinh con, sổ ngân hàng đứng tên chủ hộ (có ghi số tài khoản)

### **Miễn giảm Thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân của khoảng thời gian trước và sau sinh con**

**(産前産後期間の国民健康保険税の免除 Sanzen-sango kikan no Kokumin kenkou hokenzei no menjo)**

Nơi liên hệ: Ban Hưu trí bảo hiểm sức khỏe quốc dân (国保年金課 Kokuho nenkin-ka) ☎082-420-0933

Người tham gia Bảo hiểm sức khỏe quốc dân sinh con (thai kỳ từ 85 ngày trở lên, bao gồm cả trường hợp sinh non, thai chết lưu, sảy thai), khi đăng ký sẽ được miễn khoản tiền chia theo tỷ lệ thu nhập và khoản tiền chia theo tỷ lệ bình quân của thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân của phần tương ứng với khoảng thời gian trước và sau sinh. Miễn Thuế bảo hiểm phần của 4 tháng kể từ tháng trước của tháng có ngày dự sinh hoặc ngày thực sinh (trường hợp đa thai miễn Thuế bảo hiểm 6 tháng kể từ 3 tháng trước của tháng có ngày dự sinh hoặc ngày thực sinh). Có thể nộp đơn khai báo đăng ký từ 6 tháng trước ngày dự sinh.

●Vật cần mang theo: Sổ tay sức khỏe Mẹ và Bé, giấy tờ xác minh nhân thân của người đăng ký (Bằng lái xe, v.v...), giấy tờ có thể xác minh mã số cá nhân (My Number)

### **Miễn giảm phí bảo hiểm hưu trí quốc dân của khoảng thời gian trước và sau sinh con**

**(産前産後期間の国民年金保険料の免除 Sanzen-sango kikan no Kokumin nenkin hokenryo no menjo)**

Nơi liên hệ: Ban Hưu trí bảo hiểm sức khỏe quốc dân (国保年金課 Kokuho nenkin-ka) ☎082-420-0933

Người tham gia Quỹ lương hưu cơ bản (tiền nenkin) sinh con (thai kỳ từ 85 ngày trở lên, bao gồm cả trường hợp sinh non, thai chết lưu, sảy thai), khi đăng ký sẽ được miễn phí bảo hiểm của khoảng thời gian trước và sau sinh. Miễn Phí bảo hiểm của 4 tháng kể từ tháng trước của tháng có ngày dự sinh hoặc ngày thực sinh (trường hợp đa thai miễn phí bảo hiểm 6 tháng kể từ 3 tháng trước của tháng có ngày dự sinh hoặc ngày thực sinh). Có thể nộp đơn khai báo đăng ký từ 6 tháng trước ngày dự sinh.

●Vật cần mang theo: Sổ tay sức khỏe Mẹ và Bé (trường hợp đăng ký trước khi sinh con), giấy tờ tùy thân của người nộp đơn (bằng lái xe, v.v...)

### **Trợ cấp trẻ em (児童手当 Jido teate)**

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (子ども家庭課 Kodomo Katei-ka) ☎082-420-0941

Trẻ từ khi mới sinh ra đến khi kết thúc trung học phổ thông (cuối năm tài chính (ngày 31/3) khi trẻ đủ 18 tuổi) sẽ nhận được khoản trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng. Khoản trợ cấp này sẽ được chu cấp từ phần của tháng sau tháng nộp đơn.

Nếu chuyển chỗ ở từ thành phố khác đến cần phải đăng ký lại. Đơn đăng ký có thể tải về từ trang chủ Thành phố và cũng có thể nộp qua đường bưu điện.

Ngay cả khi hồ sơ đính kèm còn thiếu, hồ sơ vẫn được tiếp nhận. Vì vậy, hãy nhanh chóng nộp hồ sơ sớm.

●Thời hạn đăng ký: Trong tháng sinh hoặc tháng chuyển đến hoặc trong vòng 15 ngày kể từ ngày hôm sau của ngày sinh/chuyển đến địa phương. (Nếu nộp hồ sơ đăng ký trễ sẽ không nhận được tiền trợ cấp phần của tháng nộp trễ)

●Sổ tiền chu cấp

Trẻ em dưới 3 tuổi

Con thứ 1, con thứ 2 . . . . . 15,000 yên

Con thứ 3 . . . . . 30,000 yên

Trẻ em từ 3 tuổi trở lên đến trước khi tốt nghiệp trung học phổ thông

Con thứ 1, con thứ 2 . . . . . 10,000 yên

Con thứ 3 . . . . . 30,000 yên

●Vật cần mang theo: Giấy tờ xác thực tư cách bảo hiểm sức khỏe của người đăng ký (người giám hộ - kể sinh nhai chính của gia đình) (※trường hợp đang tham gia Bảo hiểm hưu trí quốc dân (国民年金 *Kokumin nenkin*) thì không cần), sổ ngân hàng đứng tên người đăng ký, hộ chiếu của Cha và Mẹ (trường hợp chuyển đến từ nước ngoài)

**Trợ cấp chi phí y tế cho trẻ em (こども医療費の支給 *Kodomo iryo-hi no shikyu*)**

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (こども家庭課 *Kodomo Katei-ka*) ☎082-420-0941

Đây là chế độ hỗ trợ chi phí y tế cho trẻ em khi bị ốm đau. Trẻ sẽ được cấp “Giấy chứng nhận người thụ hưởng trợ cấp chi phí y tế cho trẻ em こども医療費受給者証 *Kodomo Iryo-hi jukyusha-sho*”. Khi đến các cơ quan y tế để khám bệnh, nhập viện, v.v...xin vui lòng xuất trình Giấy này cùng với “giấy xác thực tư cách tham gia bảo hiểm sức khỏe 健康保険の資格情報”.

●Thời hạn đăng ký: trong vòng 14 ngày sau khi sinh con hoặc chuyển đến địa phương. (Nếu nộp hồ sơ đăng ký trễ sẽ bị xem xét, xét duyệt tư cách kể từ ngày nộp đơn)

● Đối tượng: Trẻ em, đến hết ngày 31/3 của năm tài chính mà trẻ tròn 18 tuổi

●Chi phí hỗ trợ: Phần chi phí y tế trong phạm vi bảo hiểm y tế mà vượt quá số tiền tự chi trả sẽ được trợ cấp

Chi phí thuốc tại nhà thuốc bảo hiểm và chi phí thiết bị hỗ trợ y tế sẽ không phát sinh số tiền tự chi trả

(Số tiền tự chi trả: tối đa 500 yên/ 1 ngày cho mỗi cơ sở y tế, trong một tháng tối đa 14 ngày đối với nội trú (nhập viện) và tối đa 4 ngày đối với ngoại trú (khám bệnh) cho mỗi cơ sở y tế)

●Vật cần mang theo: Giấy tờ xác thực tư cách bảo hiểm sức khỏe của trẻ, Hộ chiếu của Cha và Mẹ (trường hợp chuyển đến từ nước ngoài)

●Chú ý: Trường hợp thay đổi địa chỉ hoặc thẻ bảo hiểm cần phải thông báo ngay.

**Hoàn trả chi phí y tế cho trẻ em hoặc chi phí y tế cha mẹ đơn thân (yêu cầu trả lại)**

(こども医療費・ひとり親医療費の返還請求 *Kodomo iryo-hi・Hitori-oya iryo no henkan-seikyu*)

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (こども家庭課 *Kodomo Katei-ka*) ☎082-420-0941

Trong khoảng thời gian “Giấy chứng nhận người thụ hưởng trợ cấp chi phí y tế cho trẻ em” và “Giấy chứng nhận người thụ hưởng chi phí y tế cho cha mẹ đơn thân” có giá trị hiệu lực, các chi phí y tế đã phát sinh cho đến lúc được cấp “Giấy chứng nhận người thụ hưởng” có thể được hoàn trả lại (các chi phí y tế đã thanh toán cũng như chi phí y tế đã trả khi điều trị, khám bệnh ngoài tỉnh Hiroshima). Tuy nhiên không hỗ trợ hoàn trả các chi phí y tế không thuộc bảo hiểm và các khoản tiền bản thân phải tự chi trả.

●Vật cần mang theo: Giấy chứng nhận người thụ hưởng trợ cấp chi phí y tế cho trẻ em / Giấy chứng nhận người thụ hưởng trợ cấp chi phí y tế cho cha mẹ đơn thân, Giấy tờ xác thực tư cách bảo hiểm sức khỏe, Hóa đơn (giấy tờ biên lai có ghi số tiền nộp, họ tên bệnh nhân, điểm bảo hiểm), sổ ngân hàng (có tên người giám hộ được ghi trên giấy chứng nhận người thụ hưởng)

#### **Trợ cấp y tế nuôi dưỡng (chăm sóc y tế trẻ sinh non)**

##### **(養育医療（未熟児医療）の給付 Yoiku iryo (Mijukuji iryo))**

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (こども家庭課 Kodomo Katei-ka) ☎082-420-0941

Đối với trẻ sinh non có cân nặng lúc chào đời từ 2.000 gram trở xuống, nếu bác sĩ nhận thấy rằng trẻ cần phải nhập viện để theo dõi và chăm sóc thì sẽ được hưởng trợ cấp y tế (hỗ trợ chi phí y tế) tại cơ quan y tế được chỉ định. Hạn mức chi phí tự chi trả sẽ khác nhau tùy thuộc vào thu nhập của hộ gia đình.

●Vật cần mang theo: Đơn kiến nghị được trợ cấp y tế trẻ sinh non (có ghi thông tin, ý kiến của bác sĩ, v.v...), Sổ tay sức khỏe Mẹ và Bé, Thẻ bảo hiểm sức khỏe của trẻ hoặc người có nghĩa vụ nuôi dưỡng, giấy tờ có thể xác minh mã số cá nhân (My Number)

#### **Trợ cấp y tế hỗ trợ tự lập (y tế chăm sóc nuôi dưỡng)**

##### **(自立支援医療（育成医療）の給付 Jiritsu shien iryo (Ikusei iryo))**

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (こども家庭課 Kodomo Katei-ka) ☎082-420-0941

Trẻ em dưới 18 tuổi khuyết tật thân thể, khiếm thị, v.v... và cần phải được phẫu thuật, v.v... để cải thiện cuộc sống tốt hơn sẽ được nhận hỗ trợ chi phí y tế. Số tiền bản thân tự chi trả trong trường hợp được nhận trợ cấp chi phí y tế về nguyên tắc là 10% của phí y tế, tuy nhiên hạn mức tự bản thân chi trả sẽ được quyết định ứng với thu nhập của hộ gia đình.

●Vật cần mang theo: Đơn kiến nghị được trợ cấp y tế hỗ trợ tự lập (y tế chăm sóc nuôi dưỡng) (có ghi thông tin về trẻ, ý kiến của bác sĩ, phương pháp điều trị v.v...), Thẻ bảo hiểm sức khỏe của toàn bộ thành viên trong gia đình, giấy tờ có thể xác minh mã số cá nhân (My Number)

#### **Trường hợp trẻ khuyết tật (障がい児の場合 Shogaiji)**

Nơi liên hệ: Ban Phúc lợi cho người khuyết tật (障がい福祉課 Shougai Fukushi-ka) ☎082-420-0180

Có rất nhiều chế độ dành cho các gia đình có con dưới 20 tuổi chẳng may bị khuyết tật về thể chất, trí tuệ hoặc tinh thần. Đầu tiên, xin vui lòng trao đổi với cơ quan phụ trách.

## **Quản lý sức khỏe Mẹ và Bé (母親と赤ちゃんの健康管理)**

### **Thăm hỏi sau sinh tại nhà (乳児家庭全戸訪問 (こんにちは赤ちゃん訪問))**

#### ***Nyuji katei zenko homon (Konnichiwa Akachan Homon)***

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (こども家庭課 Kodomo Katei-ka) ☎082-420-0407

Y tá cộng đồng hoặc nữ hộ sinh sẽ đến nhà của tất cả trẻ sơ sinh để thăm hỏi tình trạng sức khỏe, kiểm tra cân nặng cũng như tư vấn chăm sóc em bé, v.v...

Sau khi em bé chào đời, xin vui lòng tiến hành thủ tục “đăng ký nguyện vọng lịch thăm hỏi tại nhà Akachan Homon” và trả lời “Phiếu khảo sát tình trạng sức khỏe mẹ con hiện tại - web問診” qua trang Cổng thông tin điện tử thị dân Shimin Portal Site. Khi đến gần ngày thăm hỏi tại nhà, nhân viên phụ trách của Thành phố sẽ liên hệ xác nhận ngày giờ.

Đặc biệt, trường hợp trẻ sinh ra có cân nặng dưới 2.500 gram, bắt buộc phải tiến hành đăng ký hẹn lịch thăm hỏi tại nhà. Xin vui lòng chú ý và đừng quên liên lạc với Thành phố.

### **Khóa học phục hồi cho người mẹ sau sinh**

#### **(産後のママのリフレッシュ講座 *Sango no mama no refresh koza*)**

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (こども家庭課 Kodomo Katei-ka) ☎082-420-0407

Là khóa học giúp cải thiện tình trạng cơ thể cho các bà mẹ sau sinh.

● Đối tượng: Bà mẹ từ sau khi khám sức khỏe sau sinh 1 tháng đến 6 tháng sau sinh (Cũng có thể đến tham gia cùng với em bé)

● Nội dung: Hướng dẫn những tư thế đúng, thay đổi của cơ thể sau sinh (có bài tập thể dục nhẹ), v.v...

● Đăng ký: Đăng ký đặt lịch tham gia (ưu tiên người đăng ký trước)

### **Kiểm tra sức khỏe người mẹ (産婦健診 *Sanpu kenshin*)**

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (こども家庭課 Kodomo Katei-ka) ☎082-420-0407

Tiến hành khám sức khỏe của người mẹ sau sinh tại cơ sở y tế sau khi sinh hai tuần và một tháng để kiểm tra thể trạng của người mẹ và tình trạng cho con bú, chăm sóc trẻ, v.v...

### **Dịch vụ chăm sóc sau sinh (産後ケア事業 *Sango kea jigyou*)**

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (こども家庭課 Kodomo Katei-ka) ☎082-420-0407

Là dịch vụ nhằm giúp cho người mẹ giảm bớt những mệt mỏi, lo lắng trong việc chăm sóc con nhỏ, đồng thời có thể trao đổi các vấn đề liên quan đến chăm con cũng như có thời gian nghỉ ngơi, phục hồi cơ thể sau sinh.

● Đối tượng:

Người có đăng ký cư trú tại Thành phố Higashihiroshima, thuộc một trong các trường hợp sau:

(1) Phụ nữ sau sinh và trẻ nhỏ dưới 1 tuổi có nhu cầu chăm sóc sau sinh

(2) Người từng sảy thai hoặc thai chết lưu trong vòng 1 năm trở lại đây

※Vui lòng tham khảo chi tiết điều kiện trên trang chủ Thành phố.

● Nội dung

- (1) Đi về trong ngày: phí 2,000 yên. Địa điểm: cơ sở lưu trú trong Thành phố, cơ sở y tế, nhà hộ sinh
- (2) Chăm sóc ở lại qua đêm: phí 7,500 yên/đêm (2 ngày 1 đêm phí 15,000 yên). Địa điểm: cơ sở y tế trong Tỉnh, các nhà hộ sinh trực thuộc Hiệp hội hộ sinh tỉnh Hiroshima.
- (3) Chăm sóc trực tiếp đến nhà: phí 1,000 yên. Địa điểm: nữ hộ sinh sẽ đến nhà thăm hỏi, hỗ trợ

● Đăng ký

Cần phải đăng ký trước. Thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ trao đổi.

**Kiểm tra sức khỏe trẻ 1 tháng tuổi ( 1か月児健康診査 1-kagetsu-ji kenko shinsa)**

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (こども家庭課 Kodomo Katei-ka) ☎082-420-0407

Khám cá nhân. Thông tin chi tiết sẽ được hướng dẫn khi nhận Sổ tay mẹ và bé. Bác sĩ nhi khoa sẽ khám về thể trạng sức khỏe, đo các chỉ số cơ thể: chiều cao, cân nặng, v.v...

**Kiểm tra sức khỏe trẻ 4 tháng tuổi ( 4か月児健康診査 4-kagetsu-ji kenko shinsa)**

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (こども家庭課 Kodomo Katei-ka) ☎082-420-0407

Khám cá nhân. Sẽ được thông báo trước. Bác sĩ nhi sẽ tiến hành khám về thể trạng của trẻ (đo cân nặng, chiều dài cơ thể) và kiểm tra sự phát triển vận động của trẻ.

**Kiểm tra sức khỏe trẻ 1 tuổi rưỡi ( 1歳6か月児健康診査 1-sai 6-kagetsu-ji kenko kensa)**

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (こども家庭課 Kodomo Katei-ka) ☎082-420-0407

Khám tập trung. Sẽ được thông báo trước. Đo cân nặng và chiều cao, bác sĩ nhi và nha sĩ sẽ tiến hành thăm khám. Ngoài ra, cũng tư vấn các vấn đề như đồ ăn thức uống cho trẻ, việc chăm sóc trẻ, sự phát triển của trẻ, chăm sóc vệ sinh răng miệng, v.v...

**Kiểm tra sức khỏe trẻ 3 tuổi ( 3歳児健康診査 3-sai-ji kenko kensa)**

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (こども家庭課 Kodomo Katei-ka) ☎082-420-0407

Khám tập trung. Sẽ được thông báo trước. Đo cân nặng và chiều cao, kiểm tra nước tiểu, thị lực, bác sĩ nhi và nha sĩ sẽ tiến hành thăm khám cho trẻ từ 3 tuổi 5 tháng. Ngoài ra, cũng tư vấn các vấn đề như chế độ ăn uống của trẻ, việc chăm sóc trẻ, sự phát triển của trẻ, chăm sóc vệ sinh răng miệng, v.v...

**Tiêm chủng phòng bệnh (予防接種)**

Khi trẻ được khoảng 6 tháng tuổi, kháng thể miễn dịch nhận được từ mẹ bắt đầu mất dần và cơ thể trẻ cần tự tạo ra kháng thể hình thành hệ miễn dịch của chính mình. Tiêm phòng đúng thời điểm sẽ giúp trẻ giảm nguy cơ mắc các bệnh truyền nhiễm. Không thông báo riêng đến từng cá nhân về thời kỳ tiêm phòng.

**Tiêm phòng định kỳ 定期予防接種**

Nơi liên hệ: Ban Chăm sóc sức khỏe y tế (医療保健課 Iryo Hoken-ka) ☎082-420-0936

Xin vui lòng tham khảo tờ Phụ lục 1.

### 3. Sử dụng các cơ sở vật chất hỗ trợ nuôi dạy trẻ, v.v... (子育て支援施設等を利用する *Kosodate shien shisetsu*)

#### Trung tâm hỗ trợ tổng hợp nuôi dạy trẻ và người khuyết tật (Heartful) (子育て・障がい総合支援センター (はあとふる) *Kosodate Shogai sogo shien center*)

Heartful là một cơ sở phức hợp hỗ trợ nhiều khía cạnh khác nhau cho các gia đình đang nuôi dạy trẻ, chẳng hạn như “hỗ trợ nuôi dạy trẻ” và “hỗ trợ tư vấn người khuyết tật”, v.v...

●Địa chỉ: Tầng 1, Sunsquare Higashihiroshima

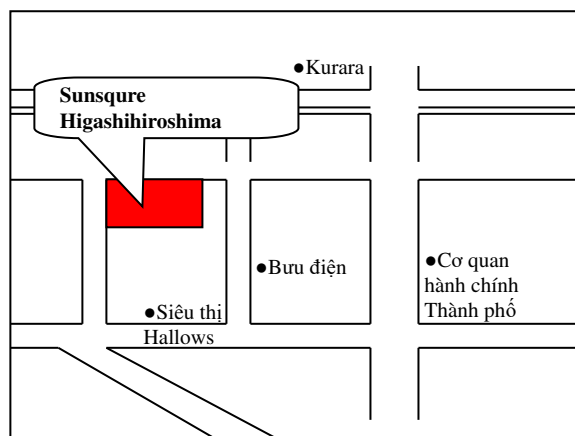
Saijo-nishihonmachi 28-6

●Điện thoại: ☎082-493-6071

●FAX: ☎082-424-3841



はあとくん



#### Phòng tư vấn trẻ em tại nhà (家庭児童相談室 *Katei Jido sodan-shitsu*)

Tiếp nhận tư vấn chăm sóc nuôi dạy con cái tại nhà và tư vấn cách tự lập cho hộ gia đình đơn thân.

●Thời gian tiếp nhận: Thứ Tư, từ 10:00 ~ 17:00 (trừ ngày lễ, kỳ nghỉ mừng năm mới)

●Điện thoại: ☎082-493-6072

#### Trung tâm hỗ trợ tư vấn người khuyết tật (障がい者相談支援センター *Shogaisha sodan shien center*)

Tiến hành hỗ trợ tư vấn và hỗ trợ để hoàn thiện môi trường sống, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ phúc lợi, hỗ trợ nhằm nâng cao các kỹ năng sống xã hội, v.v... cho đối tượng là người khuyết tật và người thân gia đình của người khuyết tật đó.

●Thời gian hỗ trợ: Thứ Hai ~ Thứ Bảy, từ 8:30 ~ 17:15 (trừ ngày lễ, kỳ nghỉ mừng năm mới)

●Điện thoại: ☎082-493-6073

#### Trung tâm hỗ trợ gia đình (ファミリー・サポート・センター *Family support center*)

Là một tổ chức theo cơ chế thành viên trong cộng đồng, nơi mọi người cùng nhau hỗ trợ việc nuôi dạy trẻ. Do Thành phố quản lý và điều hành, kết nối “hội viên cần được hỗ trợ (yêu cầu)” và “hội viên muốn giúp đỡ người khác việc nuôi dạy trẻ (cung cấp)”. Hội viên bên cung cấp sẽ hỗ trợ (có mất phí) đáp ứng với những mong muốn của bên yêu cầu như đưa đón con đi nhà trẻ, câu lạc bộ trẻ em Iki-iki, trông giữ trẻ tại nhà, v.v...

Ngoài ra, để có thể sử dụng dịch vụ này cần phải đăng ký hội viên trước.

※Cách đăng ký hội viên: Đăng ký trực tiếp tại Trung tâm hỗ trợ gia đình, Ban Gia đình trẻ em hoặc các văn phòng hành chính cơ sở. Tiếp nhận đăng ký thành viên yêu cầu bất cứ lúc nào.

※Theo nguyên tắc, địa điểm trông giữ trẻ sẽ là tại nhà của thành viên cung cấp (người giữ trẻ).

※Có thể gửi trẻ vào sáng sớm hoặc tối muộn, tuy nhiên theo nguyên tắc, trẻ sẽ không ở lại qua đêm.

※Không nhận trông trẻ đang bị ốm.

Phí dịch vụ

| <i>Thời gian trông giữ trẻ, v.v...</i> | <i>Phí mỗi giờ</i> |
|----------------------------------------|--------------------|
| Thứ Hai ~ Thứ Sáu (7:00 ~ 19:00)       | 600 yên            |
| Ngoài thời gian trên                   | 700 yên            |

●Thời gian tiếp nhận: Thứ Hai ~ Thứ Bảy, từ 10:00 ~ 17:00 (trừ ngày lễ, kỳ nghỉ mừng năm mới)

●Điện thoại: ☎082-493-6072

### Trung tâm nhi đồng thanh thiếu niên (児童青少年センター *Jido-seishonen center*)

Là nơi dành cho các đối tượng từ trẻ nhỏ đến thanh thiếu niên có thể yên tâm đến sử dụng không gian tại đây vào các ngày nghỉ hoặc sau giờ học.

●Thời gian mở cửa: Thứ Ba ~ Chủ Nhật, từ 10:30 ~ 20:00

●Ngày nghỉ: Thứ Hai (nếu thứ Hai là ngày lễ thì sẽ chuyển sang ngày gần nhất không phải ngày nghỉ), ngày lễ, kỳ nghỉ mừng năm mới

●Địa chỉ: Tầng 1, Sunsquare Higashihiroshima (Saijo-nishihonmachi 28-6)

●Điện thoại: ☎082-493-7625

### Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ khu vực (地域子育て支援センター *Chiiki kosodate shien center*)

Là nơi các bậc cha mẹ đang nuôi con nhỏ có thể vui chơi thoải mái cùng với con mình, ngoài ra còn có hỗ trợ tư vấn những lo lắng của cha mẹ về những vấn đề liên quan đến nuôi dạy con trẻ.

Nội dung chi tiết xin vui lòng liên hệ đến các cơ sở.

| Tên trung tâm hỗ trợ                                                        | Địa chỉ/ Số điện thoại/ Ngày giờ mở cửa                                                                                                                                                                                   |
|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Seiun Hoikuen<br>Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ khu vực<br>Nikoniko room     | Saijo-cho, Jike 1427 ☎082-424-8081 <a href="http://seiun-hoiku.com/">http://seiun-hoiku.com/</a><br>Thứ Hai ~ Thứ Sáu, từ 9:00~14:00 (cần đặt lịch trước trong ngày qua điện thoại). Sân chơi ngoài trời mở từ 9:30~15:30 |
| Cơ sở hỗ trợ nuôi dạy trẻ<br>Aozora Hiroba                                  | Takaya-cho, Miyaryo 178-2 ☎082-491-0031<br>Thứ Ba・Thứ Năm・Thứ Bảy, từ 9:00 ~ 12:00, 13:00 ~ 15:00<br>※Cần đặt lịch trước                                                                                                  |
| Nintei Kodomo-en Aiiku<br>Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ khu vực<br>Yurikago | Saijo-cho, Misonou 6245-1 ☎082-424-3932<br><a href="https://aiwa-aiikuen.ed.jp/">https://aiwa-aiikuen.ed.jp/</a><br>Thứ Hai ~ Thứ Sáu, từ 10:00 ~ 15:00 Chủ Nhật (1,2 lần/tháng)                                          |
| Nintei Kodomo-en Saijo Miduki<br>Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ khu vực      | Saijo-cho, Jike 7377 ☎082-423-0332<br>Mail: <a href="mailto:miduki@magoshi.jp">miduki@magoshi.jp</a><br>Thứ Hai ~ Thứ Sáu, từ 9:30 ~ 11:30, 12:30~15:30 (※cần đặt lịch trước)                                             |

|                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                |
|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nintei Kodomo-en Samueru Saijo<br>Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ khu vực<br>Wonder Rabbit | Saijo-cho, Doyomaru 1179-1 ☎082-424-3008<br>Thứ Hai ~ Thứ Sáu, từ 9:00~12:00, 13:00~ 15:00 (※cần đặt lịch trước)                                                                                               |
| Cơ sở hỗ trợ nuôi dạy trẻ Community Café<br>funfan Hidamari                              | Saijo, Doyomaru 1-5-7 (Tầng 3 Yume town Higashihiroshima) ☎082-430-7007<br>Thứ Ba ~ Thứ Bảy, từ 10:00 ~ 16:00 (Phí: 100 yên/ngày cho 1 gia đình)                                                               |
| Kids Plaza Higashihiroshima Yume<br>Mokuba                                               | Saijo-nishihonmachi 28-30 (Tầng 2, siêu thị Hallows Higashihiroshima)<br>Thứ Hai~Thứ Bảy (Thứ Bảy 2 lần/tháng), từ 10:00~15:00 (Thứ Sáu ~16:00)<br>(※tùy vào sự kiện mà cần phải đặt lịch trước) ☎082-431-3350 |
| Nintei Kodomo-en MisonoKobato-no-Mori<br>Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ khu vực           | Saijo-cho, Misonou 4481-1 ☎082-431-5559<br>Thứ Hai ~ Thứ Sáu, 9:00 ~ 14:00                                                                                                                                     |
| Saijo Aoi Hoikuen<br>Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ khu vực<br>Kizuna-no-ki               | Saijo-cho, Jike 5017-3 ☎082-430-7373<br>Thứ Hai ~ Thứ Sáu, từ 9:00~12:00, 12:00 ~ 14:00 (※cần đặt lịch trước)                                                                                                  |
| Minaga Taiyo Hoikuen<br>Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ Ohisama<br>Hiroba                  | Saijo-cho, Shimominaga 10730-19 ☎080-1930-7365<br>Thứ Hai ~ Thứ Sáu, từ 10:00 ~ 15:00<br>(※cần đặt lịch trước khi tham gia sự kiện)                                                                            |
| Nintei Kodomo-en Sazanami-no-mori<br>Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ                       | Saijo-cho, Jike 252 ☎082-422-3788<br><a href="mailto:center@isazanami.net">center@isazanami.net</a><br>Thứ Ba・Thứ Năm・Thứ Sáu, từ 8:30 ~ 13:30 (※cần đặt lịch trước)                                           |
| Ai Kids Club Shoji Jike Ekimae<br>Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ                          | Saijo-cho, Jike 4326-1 (trong siêu thị Shoji Jike Ekimae) ☎082-421-1075<br>Thứ Hai ~ Thứ Sáu, từ 9:00 ~ 14:00 (※chỉ cần đặt lịch trước khi có sự kiện)                                                         |
| Nintei Myotoku Kodomo-en<br>Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ                                | Hachihonmatsu-cho, Iida 572 ☎082-430-4311<br>Thứ Hai・Thứ Tư・Thứ Năm, từ 9:00 ~ 14:00 (※chỉ cần đặt lịch trước khi có sự kiện)                                                                                  |
| Hachihonmatsu Aoi Hoikuen<br>Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ khu vực<br>Konpeito           | Hachihonmatsu-higashi 6-6-28 ☎082-428-0030<br>Thứ Hai ~ Thứ Sáu, từ 9:00 ~ 14:30. Mở cửa thứ Bảy một lần mỗi tháng từ 9:00~11:30 (※chỉ cần đặt lịch trước khi có sự kiện)                                      |
| Hachihonmatsu Miduki Nintei Kodomo-en<br>Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ                   | Hachihonmatsu, Iida 6-6-33 ☎082-437-5020<br>Thứ Hai ~ Thứ Sáu, từ 9:30~11:30, 12:30~15:30<br>(※ cần đặt lịch trước khi)                                                                                        |
| Hachihonmatsu Taiyo Kodomo-en<br>Hinatabokko                                             | Hachihonmatsu-cho, Hara 10128-196 ☎082-497-1026<br>Thứ Hai ~ Thứ Sáu, từ 9:30~12:00, 13:00~15:30 (※chỉ cần đặt lịch trước khi có sự kiện)                                                                      |

|                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Higashihiroshima Samueru Kodomo-no-en<br>Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ khu vực<br>Mother Goose (Maza Guzu)-no-Heya     | Takaya-cho, Nakashima 490-5 ☎082-420-4300<br><a href="http://samuel-kosodateshien.sblo.jp/">http://samuel-kosodateshien.sblo.jp/</a> Mail: <a href="mailto:mother-hh@igl.or.jp">mother-hh@igl.or.jp</a><br>Thứ Hai ~ Thứ Sáu, từ 9:00~12:00, 13:00~15:30 (※chỉ cần đặt lịch trước khi có sự kiện) |
| Shiwa Ryujo Nintei Kodomo-en<br>Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ khu vực<br>Tatsunoko                                     | Shiwa-cho, Shiwa-nishi 1456-3 ☎080-6240-4406<br>Thứ Ba・Thứ Năm・Thứ Sáu, từ 9:30 ~ 14:30 (※cần đặt lịch trước)                                                                                                                                                                                     |
| Nyuno Hikari Hoikuen<br>Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ khu vực<br>Kosodate Hiroba Hikari Land                           | Kochi-cho, Nyuno 868-3 ☎082-437-0516<br>Thứ Hai・Thứ Ba・Thứ Năm, từ 9:00 ~ 14:00                                                                                                                                                                                                                   |
| Higashishiwa Hoikuen<br>Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ khu vực<br>Risu-gumi-san                                         | Shiwa-cho, Shiwa-higashi 1210 ☎082-433-5800<br>Thứ Hai・Thứ Tư・Thứ Năm, từ 9:30 ~ 14:30 (※chỉ cần đặt lịch trước khi có sự kiện)                                                                                                                                                                   |
| Fukutomi<br>Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ Hohoemi<br>(Văn phòng chi nhánh Fukutomi Fukutomi<br>Hoken Fukushima Center) | Fukutomi-cho, Kuba 1545-1 ☎082-435-2343<br>Thứ Hai ~ Thứ Sáu, từ 10:00 ~ 15:00<br>(※chỉ cần đặt lịch trước khi có sự kiện)                                                                                                                                                                        |
| Kochi nishi<br>Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ Sukusuku<br>(trong Kochinishi Hoikujo)                                    | Kochi-cho, Kodo 802-2 ☎082-430-3373<br>Thứ Hai ~ Thứ Sáu, từ 10:00 ~ 15:00<br>(※chỉ cần đặt lịch trước khi có sự kiện)                                                                                                                                                                            |
| Akitsu<br>Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ Jaga Kids<br>(trong Mitsu Hoikujo)                                             | Akitsu-cho, Mitsu 5545-2 ☎0846-46-1401<br>Thứ Hai ~ Thứ Sáu, từ 10:00 ~ 15:00<br>(※chỉ cần đặt lịch trước khi có sự kiện)                                                                                                                                                                         |
| Toyosaka<br>Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ Sumairu<br>(trong Toyosaka Hoikujo)                                          | Toyosaka-cho, Kajiya 577-1 ☎082-401-2022<br>Thứ Hai ~ Thứ Sáu, từ 10:00 ~ 15:00<br>(※chỉ cần đặt lịch trước khi có sự kiện)                                                                                                                                                                       |
| Nintei Kodomo-en Himawari<br>Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ Open Class                                                  | Kurose, Matsugaoka 29-5 ☎0823-82-6707<br>Thứ Hai・Thứ Tư・Thứ Sáu (có thể thay đổi),<br>từ 9:30 ~ 12:30, từ 13:30 ~ 15:30 (※cần đặt lịch trước)                                                                                                                                                     |
| Nintei Kodomo-en Midorigaoka Yochien<br>Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ Swimmy<br>(Suimi)                                | Kurose-cho, Maruyama 1606-2 ☎080-8353-4681<br>Thứ Ba・Thứ Tư・Thứ Năm, từ 10:00 ~ 15:00<br>(※chỉ cần đặt lịch trước khi có sự kiện)                                                                                                                                                                 |
| Seikyo Hiroshima<br>Kodomo KoPuraza Higashihiroshima<br>(trong siêu thị Coop Higashihiroshima)                         | Saijo-cho, Jike 6579-1 ☎090-8233-9487<br>Chủ Nhật ~ Thứ Năm (Thứ Sáu, Thứ Bảy, ngày lễ nghỉ),<br>từ 9:00 ~ 14:00 (※cần đặt lịch trước)                                                                                                                                                            |

## Nhà thiếu nhi (児童館 Jido-kan)

Là nơi mà trẻ từ 0 tuổi đến dưới 18 tuổi có thể đến sử dụng tự do, thường tổ chức các hoạt động vui chơi và sự kiện lành mạnh (trẻ nhỏ dưới 6 tuổi cần có phụ huynh đến cùng).

### Nhà thiếu nhi Kurose (黒瀬児童館)



- Địa chỉ: Kurose-cho, Maruyama 1450-1
- Điện thoại: ☎0823-70-4371
- Thời gian mở cửa: Thứ Hai ~ Thứ Bảy, từ 9:00 ~ 17:00
- Ngày nghỉ: Chủ Nhật, ngày lễ, kỳ nghỉ mừng năm mới
- Trang chủ Thành phố.

[https://www.city.higashihiroshima.lg.jp/soshiki/kyoikuinkaishogai\\_gakushu/4\\_1/6/2342.html](https://www.city.higashihiroshima.lg.jp/soshiki/kyoikuinkaishogai_gakushu/4_1/6/2342.html)

### Nhà thiếu nhi Akitsu (安芸津児童館子どもの家)



- Địa chỉ: Akitsu-cho, Kazahaya 3092-1
- Điện thoại: ☎0846-45-3689
- Thời gian mở cửa: Thứ Hai ~ Thứ Bảy, từ 9:00 ~
- Ngày nghỉ: Chủ Nhật, ngày lễ, kỳ nghỉ mừng năm mới
- Trang chủ

[https://www.city.higashihiroshima.lg.jp/soshiki/kyoikuinkaishogaigakushu/4\\_1/6/8782.html](https://www.city.higashihiroshima.lg.jp/soshiki/kyoikuinkaishogaigakushu/4_1/6/8782.html)

## Circle nuôi dạy trẻ ▪ Salon nuôi dạy trẻ (子育てサークル・子育てサロン)

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (こども家庭課 Kodomo Katei-ka) ☎082-420-0407

- Circle nuôi dạy trẻ là một nhóm tự nguyện, chủ yếu hướng đến các gia đình đang nuôi con nhỏ, nhóm thường xuyên tập trung và tổ chức các hoạt động cộng đồng như hoạt động vui chơi gắn kết cha mẹ và con cái, hoặc các sự kiện theo mùa trong năm, v.v...
- Salon nuôi dạy trẻ là hoạt động hỗ trợ việc chăm sóc, nuôi dạy con cái của toàn bộ khu vực, chủ yếu là do cán bộ phụ trách trẻ em và người hỗ trợ của địa phương thành lập và hoạt động.

Circle nuôi dạy trẻ ▪ Salon nuôi dạy trẻ cũng là nơi mà các bậc cha mẹ có thể giao lưu, trao đổi thông tin với nhau các vấn đề xoay quanh việc nuôi dạy con cái. Về cách thức tham gia, v.v...xin cứ thoải mái liên hệ để được hỗ trợ.

## Các dịch vụ và cơ sở hỗ trợ nuôi dạy trẻ khác (その他の子育て支援施設・サービス)

Nhà trẻ・Trường mẫu giáo, nhà trẻ phức hợp・Trường mẫu giáo・Mở cửa sân chơi

保育所(園) *Hoikusho(en)*・認定こども園 *Nintei kodomo-en*・幼稚園 *Yochien*・園庭開放 *Entei-kaiho*

Nơi liên hệ: Các Nhà trẻ・Trường mẫu giáo

Sân chơi của trường sẽ mở cửa đón chào các bé nhỏ chưa đi học và phụ huynh đi cùng. Có thể chơi cùng với các bé đang học tại trường, hoặc cũng có thể trao đổi với giáo viên những lo lắng khi nuôi dạy con. Nếu muốn tham gia xin vui lòng liên hệ đăng ký với các trường. Lịch học của các nhà trẻ công có đăng trên cuốn bản tin KOHO của Thành phố.

Nhà trông trẻ ốm (病児保育室 *Byoji hoiku-shitsu*)

Nơi liên hệ: Ban Nuôi dạy trẻ (保育課 *Hoiku-ka*) ☎082-420-0934

Khi trẻ cần nghỉ ngơi trong thời gian đau ốm và dưỡng bệnh phục hồi sức khỏe nhưng cha mẹ vì hoàn cảnh công việc, ốm bệnh, v.v...không thể chăm sóc, lo cho trẻ ở nhà thì có thể gửi trẻ tạm thời tại đây.

● Nhà trông trẻ ốm・sau ốm Tampopo (病児・病後児保育室たんぽぽ *Byoji・byogoji hoiku-shitsu Tampopo*)  
(phòng khám Kisaka Clinic 木坂クリニック) ☎082-421-4300 (dùng chung với FAX)

Cần phải đăng ký trước. Số điện thoại chuyên dụng để đặt lịch ☎090-1685-4443

● Nhà trông trẻ ốm Usagi (病児保育室うさぎ *Byoji hoiku-shitsu*) (phòng khám nhi Hachihonmatsu こどもクリニック八本松) ☎082-428-2255

Cần phải đăng ký trước. ([Đặt lịch từ trang chủ của Phòng khám](#))

● Nhà trẻ Aigran Kawakami (アイグラン保育園川上 *Aigran hoikuen Kawakami*)  
☎082-426-5066

Cần phải đăng ký trước. Xin vui lòng đặt lịch qua điện thoại.

● Nhà trẻ Little Nuts (loại hình do doanh nghiệp điều hành) (リトルナッツ保育室)  
☎082-426-5066

Cần phải đăng ký trước. Xin vui lòng đặt lịch qua điện thoại.

Short stay (ショートステイ) (hỗ trợ gửi trẻ ngắn hạn)

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (こども家庭課 *Kodomo Katei-ka*) ☎082-420-0407

Trường hợp cha mẹ bị đau ốm, v.v... tạm thời gặp khó khăn trong việc chăm sóc con thì trẻ có thể gửi lại cơ sở trong khoảng một tuần.

Twilight stay (トワイライトステイ) (chăm sóc ban đêm, v.v...)

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (こども家庭課 *Kodomo Katei-ka*) ☎082-420-0407

Trường hợp cha mẹ khó khăn trong việc chăm sóc con vào ban đêm hoặc ngày nghỉ vì lý do công việc, v.v...thì có thể gửi trẻ ở lại cơ sở trong một khoảng thời gian nhất định.

### **Dịch vụ giúp đỡ người mẹ trước và sau sinh (産前・産後ママヘルパー派遣事業 *Sanzen-sango mama helper haken-jigyo*)**

Là dịch vụ cử người đến nhà giúp đỡ việc nhà, chăm sóc con cái, tư vấn nuôi con, v.v... trong thời kỳ sinh đẻ và sau sinh.

●Đối tượng: Là phụ nữ mang thai và sau sinh bất an vì không có người thân quen để có thể hỏi han, trao đổi, chuyện trò, v.v...

●Thời kỳ: Trước sinh: từ ngày được cấp Sổ tay Mẹ và Bé đến ngày dự sinh

Sau sinh: Trong vòng 6 tháng kể từ ngày hôm sau của ngày dự sinh

(trong vòng 1 năm với trường hợp đa thai)

●Nội dung: Vừa lắng nghe những khó khăn, vất vả và vừa hỗ trợ sinh hoạt thường ngày như làm việc nhà, chăm sóc trẻ, chuẩn bị đồ sinh em bé, v.v...

●Phí dịch vụ:

1 lần 1,000 yên (1 tiếng 30 phút), một ngày sử dụng tối đa 2 lần

※Hộ gia đình nhận trợ cấp sinh hoạt và hộ miễn thuế cư trú thành phố sẽ được miễn phí sử dụng dịch vụ.

●Số lần: Trước sinh 15 lần

Sau sinh 15 lần (trường hợp đa thai: sau sinh 30 lần)

### **Dịch vụ hỗ trợ sản phụ đa thai (多胎産婦サポーター派遣事業 *Tatai ninshin supporter haken-jigyo*)**

Là dịch vụ cử người đến các gia đình chăm nuôi các bé song sinh, v.v... để hỗ trợ việc chăm sóc trẻ và phụ giúp khi đi ra ngoài.

●Đối tượng: Hộ gia đình đang nuôi các bé song sinh, v.v... có nguyện vọng đi ra ngoài cần người phụ giúp hoặc hỗ trợ chăm sóc các bé

●Thời kỳ: cho đến khi trẻ được 2 tuổi

●Nội dung: Hỗ trợ chăm sóc trẻ, giúp đỡ lúc đi ra ngoài, lắng nghe, tư vấn những khó khăn, lo lắng xoay quanh các vấn đề cuộc sống thường nhật.

●Phí dịch vụ: Có thể sử dụng dịch vụ miễn phí

### **Tư vấn nuôi dạy con cái (育児相談 *Ikuji sodan*)**

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (こども家庭課 *Kodomo Katei-ka*) ☎082-420-0407

Tư vấn về chăm sóc, nuôi dạy trẻ, đo cân nặng chiều cao, v.v...

### **Lớp học nuôi dạy con cái (育児教室 *Ikuji kyoshitsu*)**

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (こども家庭課 *Kodomo Katei-ka*) ☎082-420-0407

Tiến hành đo chiều cao, cân nặng và tư vấn riêng về nuôi dạy con, học về một nội dung được quyết định cụ thể mỗi lần (chơi đùa cùng con, nấu ăn, v.v...). Cha mẹ và các bé có thể giao lưu với nhau. Thông tin ngày giờ, địa điểm tổ chức, v.v... sẽ được thông báo trên trang chủ, v.v...

### **Lớp học ăn dặm (離乳食教室 *Rinyushoku kyoshitsu*)**

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (こども家庭課 *Kodomo Katei-ka*) ☎082-420-0407

Tiếp nhận những tư vấn, trao đổi hỏi đáp, cách tiến hành ăn dặm, cách chế biến, cho ăn dặm thử, v.v... Hơn nữa, còn cung cấp thông tin về chăm sóc sức khỏe răng miệng.

### **Cha mẹ và con cùng nấu ăn (親子クッキング *Oyako cokking*)**

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (こども家庭課 *Kodomo Katei-ka*) ☎082-420-0407

Đối tượng tham gia là trẻ từ 2 tuổi rưỡi trở lên và cha mẹ. Cha mẹ và con cái cùng nhau nấu ăn để tăng thêm hứng thú với đồ ăn cho trẻ.

### **Tư vấn dị ứng (アレルギー相談 *Allergy sodan*)**

Nơi liên hệ: Trung tâm Sức khỏe Seibuhigashi tỉnh Hiroshima Ban bảo vệ sức khỏe

Chuyên gia dinh dưỡng và y tá sức khỏe sẽ tư vấn về chế độ ăn uống, lối sống sinh hoạt cho người lo lắng các bệnh dị ứng như viêm da dị ứng atopi, hen phế quản, v.v... Cần đặt liên hệ đặt lịch trước.

#### 4. Nhà trẻ, Nhà trẻ phức hợp được công nhận, Cơ sở giữ trẻ quy mô nhỏ (保育所・認定こども園・小規模保育事業 *Hoikusho/ Mintei kodomo-en/ Shokibo hoiku jigyo*)

##### **Giáo dục mầm non và trông giữ trẻ miễn phí (幼児教育・保育の無償化)**

Là chế độ miễn phí phí giữ trẻ đối với trẻ em theo học tại các lớp dành cho trẻ trong nhóm từ 3~5 tuổi đang học nhà trẻ, mẫu giáo, v.v... Tùy từng cơ sở sẽ có trường hợp mức trần khác nhau. Ngoài ra, chi phí ăn trưa, chi phí đưa đón đi học, v.v... không thuộc hạng mục miễn phí.

●Chú ý: Cần có “Giấy chứng nhận cần hỗ trợ chăm sóc trẻ em” trước. Tùy theo các cơ sở mà thủ tục đăng ký sẽ khác nhau, vì thế xin vui lòng liên hệ trao đổi với Ban Nuôi dạy trẻ, các trường mẫu giáo, nhà trẻ, v.v...

##### **Đăng ký vào học Nhà trẻ (保育所への入所)**

Nơi liên hệ: Ban Nuôi dạy trẻ (保育課 *Hoiku-ka*) ☎082-420-0934

Nhà trẻ là nơi nhận giữ trông trẻ từ 0 tuổi đến trước khi vào Tiểu học có Cha mẹ, người giám hộ đang đi làm, đi học, ốm đau, v.v...không thể trông nom tại nhà. Không phải trẻ nào cũng có thể gửi đi nhà trẻ.

Có nhà trẻ công lập và tư thục, tuy nhiên cả hai đều đáp ứng tiêu chuẩn nên theo nguyên tắc không có sự khác biệt về mặt nội dung.

##### ●Cách đăng ký:

Nộp hồ sơ tại Ban Nuôi dạy trẻ hoặc cơ quan phụ trách nuôi dạy trẻ tại các văn phòng hành chính cơ sở.

Đối với các trường hợp nhập học không phải là tháng 4, xin vui lòng nộp hồ sơ đăng ký trước ngày 25 của tháng thứ 2 trước tháng bạn muốn cho con nhập học (nếu ngày 25 rơi vào ngày nghỉ, thì hạn chót sẽ là ngày làm việc tiếp theo).

Về việc đăng ký cho con nhập học vào tháng 4, v.v... sẽ có thông báo cụ thể trên trang chủ Thành phố vào khoảng tháng 10 của năm trước.

●Phí: Được quyết định dựa trên số tiền Thuế thu nhập và Thuế cư trú phần năm trước của hộ gia đình

●Chú ý: Tùy thuộc vào tình hình, có thể sẽ khó vào được trường mà bạn mong muốn.

Có 2 loại dịch vụ hiện đang được cung cấp tại các cơ sở trông trẻ được công nhận. ※Tùy thuộc vào các cơ sở mà sẽ có nơi không có tiến hành dịch vụ này, xin vui lòng kiểm tra danh sách các cơ sở trông trẻ đính kèm.

##### **Trông trẻ thêm giờ (延長保育 *Encho hoiku*)**

Nơi liên hệ: các nơi trông trẻ có dịch vụ trông thêm giờ

Là dịch vụ dành cho những phụ huynh vì lý do thời gian làm việc, v.v...không thể đưa đón trẻ theo đúng như thời gian quy định thông thường của trường.

●Cách đăng ký: Xin vui lòng đăng ký trực tiếp với nhà trẻ.

●Phí dịch vụ: Tùy thuộc từng trường mà phí dịch vụ sẽ khác nhau.

##### **Nhận giữ trẻ tạm thời (一時保育 *Ichiji hoiku*)**

Nơi liên hệ: các nơi trông trẻ có dịch vụ nhận trông giữ trẻ tạm thời

Cần gửi con khẩn cấp hoặc tạm thời vì lý do như cha mẹ phát sinh việc gấp trong công việc, hay đau ốm, v.v... để giảm bớt gánh nặng chăm sóc con cái thời gian này. Tuy nhiên, tùy thuộc vào tình hình của trường như số lượng trẻ em đăng ký, v.v... sẽ có trường hợp không đáp ứng yêu cầu được gửi con.

- Cách đăng ký: Xin vui lòng đăng ký trực tiếp với nhà trẻ.
- Thời gian gửi: Theo nguyên tắc, gửi từ 8:30 ~ 16:30, Thứ Hai ~ Thứ Sáu
- Chú ý: Giờ trông trẻ và phí trông trẻ có thể sẽ khác nhau, tùy thuộc vào từng trường.

Có 3 loại hình cơ sở trông trẻ được công nhận, đạt tiêu chuẩn (ninka): Nhà trẻ, Nhà trẻ phức hợp và Cơ sở giữ trẻ quy mô nhỏ.

### **Trường mầm non phức hợp được công nhận (認定こども園 *Nintei Kodomo-en*)**

Là cơ sở kết hợp tính năng và đặc trưng của trường mẫu giáo với nhà trẻ. Xin vui lòng đăng ký với Cơ quan hành chính Thành phố, các văn phòng chi nhánh khi muốn sử dụng phần chức năng nhà trẻ. Đối với trường hợp muốn sử dụng phần chức năng của trường mẫu giáo xin vui lòng liên hệ trực tiếp đến các cơ sở.

### **Cơ sở giữ trẻ quy mô nhỏ (小規模保育 *Shokibo hoiku*)**

Là nhà trẻ quy mô nhỏ, giữ các bé từ 0~2 tuổi, có số lượng trẻ quy định chỉ từ 6 đến 19 bé. Sau khi tốt nghiệp, nếu có nguyện vọng, vẫn có thể đăng ký học tại các cơ sở trông trẻ được công nhận khác.

**Danh sách nhà trẻ (保育施設一覧) (Phụ lục 2) . . . Các cơ sở trông trẻ đạt tiêu chuẩn, được công nhận tại Thành phố Higashihiroshima xin vui lòng tham khảo tại đây.**

### **Nhà trẻ ngoài tiêu chuẩn Ninkagai (認可外保育施設 *Ninkagai hoiku shisetsu*)**

Mặc dù đây là cơ sở giữ trẻ chưa được công nhận chính thức (do thiếu một tiêu chuẩn gì đó, v.v...) nhưng đã được khai báo với Thành phố dựa trên Luật Phúc lợi trẻ em.

Nội dung chăm sóc trẻ cũng như phí giữ trẻ sẽ khác nhau tùy theo từng cơ sở và nộp hồ sơ đăng ký trực tiếp cho cơ sở đó. Nội dung chi tiết xin vui lòng liên hệ trực tiếp các cơ sở.

### **Danh sách nhà trẻ ngoài tiêu chuẩn Ninkagai (認可外保育施設一覧) (Phụ lục 3)**

## 5. Trường mẫu giáo (幼稚園 Yochien)

### Đăng ký vào học trường mẫu giáo (幼稚園への入園)

#### Đăng ký vào học trường mẫu giáo Quốc lập, Tư thực (国立・私立幼稚園への入園)

Nơi liên hệ: các trường mẫu giáo

Trường hợp có nguyện vọng cho con học tại Trường mẫu giáo Quốc lập hoặc Tư thực xin vui lòng liên hệ trao đổi trực tiếp với trường mẫu giáo đó.

#### Danh sách các Trường mẫu giáo (幼稚園一覧)

※☎: số điện thoại.

| Loại     | Tên Trường mẫu giáo                                                                                                                                                            | Địa chỉ                  | Số điện thoại | Số trẻ | Xe đưa đón | Giữ thêm giờ |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------|--------|------------|--------------|
| Quốc lập | Trường mẫu giáo Hiroshima Daigaku fuzoku                                                                                                                                       | Kagamiyama-Kita 333-2    | ☎082-424-6190 | 80     | Không      | Không        |
|          | Trang chủ <a href="http://home.hiroshima-u.ac.jp/yochien/">http://home.hiroshima-u.ac.jp/yochien/</a>                                                                          |                          |               |        |            |              |
| Tư thực  | Trường mẫu giáo Saijo Lutherran                                                                                                                                                | Saijo-cho, Doyomaru 1523 | ☎082-422-2252 | 180    | Có         | Có           |
|          | Trang chủ <a href="http://jelc-saijo.jp/kindergarten/">http://jelc-saijo.jp/kindergarten/</a> E-mail: <a href="mailto:slk-22@guitar.ocn.ne.jp">slk-22@guitar.ocn.ne.jp</a>     |                          |               |        |            |              |
| Tư thực  | Trường mẫu giáo Takaya                                                                                                                                                         | Takaya-cho, Gou 1277-2   | ☎082-434-0174 | 390    | Có         | Có           |
|          | Trang chủ <a href="https://takayakindergarten.ed.jp/">https://takayakindergarten.ed.jp/</a> E-mail: <a href="mailto:takayakg@carrot.ocn.ne.jp">takayakg@carrot.ocn.ne.jp</a>   |                          |               |        |            |              |
| Tư thực  | Trường mẫu giáo Higashihiroshima Kusunoki                                                                                                                                      | Saijo-cho, Jike 5539-3   | ☎082-431-5432 | 180    | Có         | Có           |
|          | Email <a href="https://kusunoki-gakuen.ed.jp/">https://kusunoki-gakuen.ed.jp/</a> E-mail: <a href="mailto:kusunoki-higashi@cube.ocn.ne.jp">kusunoki-higashi@cube.ocn.ne.jp</a> |                          |               |        |            |              |

Thông tin chi tiết xin vui lòng tham khảo trang chủ hoặc liên hệ qua điện thoại, email.

●Liên đoàn Trường mẫu giáo Tư thực Tỉnh Hiroshima <http://www.hiroshima-kenyo.or.jp/>

## 6. Trường tiểu học (小学校 Shogakko)

Ở Nhật Bản, nghĩa vụ giáo dục phổ thông được tiến hành trong vòng 9 năm bao gồm 6 năm giáo dục tiểu học (6~12 tuổi) và 3 năm giáo dục trung học cơ sở (12~15 tuổi), ngoài ra còn có 3 năm phổ thông trung học và 4 năm đại học. Giáo dục Nhật Bản theo chế độ 6・3・3・4. Trường học ở Nhật khai giảng năm học mới vào tháng 4.

Trẻ em có quốc tịch nước ngoài không bắt buộc phải đi học, tuy nhiên nếu đã đến tuổi đi học và có nguyện vọng đến trường thì vẫn có thể nhập học hoặc vào học giữa chừng các trường tiểu học, trung học cơ sở trong Thành phố. Xin vui lòng trao đổi để được hỗ trợ.

Phí tuyển sinh, học phí, tiền sách giáo khoa được hỗ trợ miễn phí khi học tại trường tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn Thành phố. Các chi phí như tài liệu, dụng cụ học tập, cơm trưa, tham quan dã ngoại, học ngoại khóa, v.v... sẽ do phụ huynh chi trả.

## Thủ tục nhập học (新入学の手続き *Shinnyugaku no tetsuduki*)

### Quy trình cho đến khi nhập học (小学校入学までの流れ)

Nơi liên hệ: Ban Học sự (学事課 Gakuji-ka)

☎082-420-0975

【Khám sức khỏe trước khi nhập học (就学時健診 *Shugaku-ji kenshin*)】 Thông báo khám sức khỏe nhập học sẽ được gửi cho đến khoảng cuối tháng 9.

Nếu đến cuối tháng 9 vẫn chưa nhận được thông báo, vui lòng liên hệ Ban Học sự.

↓

【Gửi Giấy thông báo nhập học (入学通知書 *Nyugaku tsuchi-sho*)】 “Giấy thông báo ngày nhập học và chỉ định Trường (入学期日及び学校指定通知書 *Nyugaku kijitsu oyobi Gakko shitei tsuchi-sho*)” sẽ được gửi đến phụ huynh vào khoảng cuối tháng 1 của năm nhập học. Trường hợp không nhận được xin vui lòng trao đổi với Ban Học sự.

↓

【Buổi hướng dẫn nhập học (入学説明会 *Nyugaku setsumei-kai*)】 Từ cuối tháng 1 đến giữa tháng 2 các trường sẽ tiến hành buổi hướng dẫn nhằm chuẩn bị cho việc nhập học.

### ↓

#### 【Nhập học (入学 *Nyugaku*)】

Trường sẽ được chỉ định dựa trên địa chỉ của học sinh dự kiến nhập học, tuy nhiên tùy theo một số trường hợp, trường được chỉ định có thể thay đổi. Việc thay đổi này có thể bị giới hạn tùy theo tình trạng cơ sở vật chất của trường, v.v...). Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ Ban Học sự.

## Thủ tục chuyển trường (転入学の手続き *Tennyugaku no tetsuduki*)

### Thủ tục chuyển trường (転入学の手続き)

Nơi liên hệ: Ban Học sự (学事課 Gakuji-ka)

☎082-420-0975

Người chuyển đến Thành phố Higashihiroshima từ nơi khác hoặc người chuyển nơi ở trong Thành phố cần có “Giấy chứng nhận đang theo học (在学証明書 *Zaigaku shomei-sho*)” và “Giấy chứng nhận cấp sách giáo khoa (教科書給与証明書 *Kyokasho kyuyo shomei-sho*)” do trường học cũ cấp. Tuy nhiên trẻ từ trường ở nước ngoài nhập học không cần giấy này.

Nếu bạn sắp chuyển ra khỏi Thành phố Higashihiroshima hãy xin “Giấy chứng nhận đang theo học” từ trường hiện đang học, v.v... và sau đó hãy tiến hành thủ tục với trường mới.

### Lớp dạy tiếng Nhật (日本語指導学級 *Nihongo shido gakkyu*)

Nơi liên hệ: Ban Học sự (学事課 Gakuji-ka)

☎082-420-0975

Học sinh người nước ngoài chưa hiểu tiếng Nhật và gặp khó khăn trong việc học trên lớp có thể được hỗ trợ hướng dẫn học thêm tiếng Nhật trong vòng 5~8 giờ mỗi tuần.

### Hỗ trợ đi học (就学援助 *Shugaku enjo*)

Nơi liên hệ: Ban Học sự (学事課 Gakuji-ka)

☎082-420-0975

Hỗ trợ một phần chi phí học tiểu học và trung học cơ sở đối với trường hợp phụ huynh gặp khó khăn trong việc cho con đi học vì lý do tài chính. (Nội dung chi tiết xin vui lòng trao đổi với Ban Học sự.)

● Các loại hỗ trợ

Hỗ trợ các chi phí như đồ dùng học tập, vật dụng trong việc đi học đến trường, đồ dùng học tập khi vào năm học mới, phí tham quan dã ngoại, cơm suất trường học, hoạt động ngoại khóa, chi phí y tế (bệnh đặc biệt), album tốt nghiệp, thiết bị giáo dục thể chất (chỉ dành cho trung học cơ sở).

● Cách đăng ký

Trao đổi với nhà trường và nộp hồ sơ đăng ký cho trường. Có thể đăng ký xin hỗ trợ bất cứ lúc nào.

## Câu lạc bộ trẻ em sau giờ học (放課後児童クラブ *Hokago jido club*)

### Câu lạc bộ trẻ em sau giờ học Iki-iki kodomo (いきいきこどもクラブ *Iki-iki Kodomo Club*)

Nơi liên hệ: Ban Nuôi dạy thanh thiếu niên (青少年育成課 *Seishounen Ikusei-ka*) ☎082-420-0929

Là cơ sở trông giữ trẻ sau tan học vì cha mẹ đi làm hoặc bị ốm, v.v...không thể trông nom tại nhà thời gian đó.

Để đảm bảo an toàn, trên nguyên tắc yêu cầu phụ huynh đưa và đón con em mình. (Trừ lúc trẻ đi từ trường đến câu lạc bộ sau khi kết thúc giờ học).

● Đối tượng trẻ có thể tham gia câu lạc bộ

- Hiện đang học tại trường có câu lạc bộ hoặc có địa chỉ cùng khu vực với trường.
- Cha mẹ hoặc người thân sống cùng nhà đều bận đi làm, v.v...không thể ở cùng trẻ thời gian sau tan học.

● Thời gian trông giữ trẻ và phí sử dụng dịch vụ

1. Phân loại và phí trông trẻ tương ứng

| Phân loại                             | Ngày trong tuần<br>(Thứ Hai~ Sáu)                                 | Thứ Bảy                                               | Kỳ nghỉ<br>dài                                           | Phí (tiền tháng)                               | Phí bữa ăn phụ, giáo<br>trình (tiền tháng) |
|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| Thứ Hai ~ Thứ<br>Sáu<br>(5 ngày/tuần) | 14:00 ~ 18:00<br>※ Vào những<br>ngày tan học sớm:                 | 8:00 ~ 18:00<br>※ Nếu cần<br>có thể gửi<br>đến 19 giờ | 8:00 ~<br>18:00<br>※ Nếu cần<br>có thể gửi<br>đến 19 giờ | 3,000 yên<br>(3,700 yên nếu<br>gửi đến 19 giờ) | 1,500 yên                                  |
| Thứ Hai ~ Thứ<br>Bảy<br>(6 ngày/tuần) | sau khi lớp học<br>kết thúc<br>※ Nếu cần có thể<br>gửi đến 19 giờ |                                                       |                                                          | 4,500 yên<br>(5,400 yên nếu<br>gửi đến 19 giờ) | 1,800 yên                                  |

※Phí Bảo hiểm thương tích (800 yên mỗi năm) là khoản khác sẽ được yêu cầu riêng.

2. Về việc gửi trẻ vào Thứ Bảy

Trẻ em của trường mà câu lạc bộ không hoạt động vào Thứ Bảy có thể đăng ký sử dụng câu lạc bộ lân cận có mở Thứ Bảy (theo nguyên tắc là trong cùng một khu trung học cơ sở).

3. Về chế độ miễn phí sử dụng dịch vụ

Miễn toàn bộ phí cho các hộ gia đình đang nhận trợ cấp cuộc sống, hộ không chịu thuế cư trú theo tỷ lệ thu nhập, hộ bị thiệt hại do hỏa hoạn, gió bão lũ lụt, động đất, v.v... Phụ huynh cần nộp hồ sơ đăng ký (thỉnh cầu).

※Cần nộp đơn đăng ký mỗi năm học.

※Phí đồ dùng, học cụ làm bữa phụ Oyatsu không nằm trong phạm vi được miễn giảm.

● Cách đăng ký

- Cần phải đăng ký mỗi năm.
- Về việc cho con tham gia từ tháng 4, hạn chót đăng ký: ngày cuối cùng của tháng 1.
- Với trường hợp tham gia từ tháng 5 trở đi, xin vui lòng đăng ký trước ngày 15 của tháng trước tháng mà bạn muốn sử dụng dịch vụ (trừ kỳ nghỉ hè và tham gia vào tháng 7, tháng 8, tháng 3). Đăng ký tại Ban Nuôi dạy thanh thiếu niên hoặc Quầy phụ trách câu lạc bộ trẻ em Iki-iki của các văn phòng hành chính cơ sở.
- Ngay cả khi bạn đang tìm việc cũng vui lòng nộp hồ sơ trước thời hạn.

### **Tư vấn trao đổi đời sống học đường (学校生活相談 *Gakko seikatsu sodan*)**

Nơi liên hệ: Ban Chỉ đạo (指導課 Shidou-ka) ☎082-420-0976

Hỗ trợ sức khỏe tinh thần, trái tim tâm hồn và chuyên gia tư vấn học đường sẽ tiếp nhận tư vấn tại các trường tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn Thành phố.

#### ***Hỗ trợ sức khỏe tinh thần***

- Nội dung: Hỗ trợ tư vấn trao đổi gần gũi, thân thuộc cho trẻ em học sinh. Chi tiết xin vui lòng liên hệ các trường.
- Đối tượng: trẻ em, học sinh, phụ huynh, giáo viên

#### ***Chuyên gia tư vấn học đường***

- Nội dung: Hỗ trợ tư vấn mang tính chất chuyên môn. Xin vui lòng liên hệ các trường.
- Đối tượng: trẻ em, học sinh, phụ huynh

## 7. Hỗ trợ các hộ gia đình đơn thân (ひとり親家庭への支援 *Hitorioya katei heno shien*)

### Trợ cấp, phụ cấp, v.v... (助成・手当など)

#### Trợ cấp chi phí y tế hộ gia đình đơn thân, v.v... (ひとり親家庭等医療費の助成 *Hitori-oya katei-to iryo-hi no jousei*)

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (子ども家庭課 *Kodomo Katei-ka*) ☎082-420-0941

Hỗ trợ chi phí y tế cho các hộ gia đình đơn thân. Người được công nhận đủ điều kiện nhận trợ cấp sẽ được cấp “Giấy chứng nhận người được thụ hưởng trợ cấp (受給者証 *Jukyusha-sho*)”. Xin vui lòng xuất trình giấy này tại Quầy tiếp nhận của các cơ sở y tế. Trước khi đăng ký xin vui lòng trao đổi trước với cơ quan phụ trách.

##### ●Đối tượng:

Cha hoặc mẹ đơn thân đang nuôi con cho đến ngày 31/3 cuối năm tài chính khi con được 18 tuổi, đồng thời là hộ gia đình không chịu thuế thu nhập.

##### ●Nội dung trợ cấp:

Hỗ trợ khoản tiền vượt quá số tiền bản thân tự chi trả trong chi phí y tế của phần khám bệnh có bảo hiểm.

(Số tiền bản thân tự chi trả: tối đa 500 yên 1 ngày cho mỗi cơ sở y tế. Tuy nhiên, trong một tháng tối đa 14 ngày đối với trường hợp nhập viện và 4 ngày đối với trường hợp khám ngoại trú cho mỗi cơ sở y tế)

Các loại thuốc và dụng cụ hỗ trợ y tế tại các nhà thuốc bảo hiểm (nhà thuốc ngoài bệnh viện) sẽ không phát sinh số tiền bản thân tự chi trả.

##### ●Vật cần mang theo:

Giấy tờ chứng thực tư cách bảo hiểm sức khỏe của tất cả người thuộc đối tượng, giấy tờ xác minh là hộ gia đình đơn thân, v.v...,

##### ●Chú ý:

Hằng năm, sẽ tiến hành kiểm tra các điều kiện xét duyệt trợ cấp như thu nhập, v.v... đồng thời cập nhật “Giấy chứng nhận người được thụ hưởng trợ cấp” vào ngày 1 tháng 8.

Trường hợp có sự thay đổi địa chỉ, họ tên hoặc thông tin xác thực bảo hiểm xin vui lòng thông báo.

#### Trợ cấp nuôi con (児童扶養手当 *Jido fuyo teate*)

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (子ども家庭課 *Kodomo Katei-ka*) ☎082-420-0941

Chu cấp cho cha/mẹ đơn thân đang nuôi con cho đến ngày 31/3 cuối năm tài chính khi con được 18 tuổi. Tuy nhiên sẽ có những giới hạn thu nhập, v.v...

##### ●Vật cần mang theo:

Giấy tờ xác thực tư cách bảo hiểm sức khỏe của người nộp đơn và trẻ thuộc đối tượng, sổ ngân hàng đứng tên người nộp đơn, mã số lương hưu của người nộp đơn, hợp đồng cho thuê nhà, v.v...

##### ●Chú ý:

Vào tháng 8 hằng năm sẽ được yêu cầu nộp “Khai báo tình trạng hiện tại (現況届 *Genkyo-todoke*)” (Trước

đó, Thành phố sẽ gửi giấy khai báo đến nhà).

Những người đã nhận trợ cấp trên 5 năm, không có ý định đi làm dù không có hoàn cảnh gì đặc biệt có trường hợp sẽ dừng thanh toán một phần trợ cấp.

### **Cho vay quỹ phúc lợi dành cho cha/mẹ đơn thân nuôi con và góa phụ (母子・父子寡婦福祉資金の貸付**

#### ***Boshi/Fushi kafu fukushi-kin no kashituke***

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (子ども家庭課 Kodomo Katei-ka) ☎082-420-0407

Đây là chế độ của Tỉnh Hiroshima hỗ trợ cho các bà mẹ/ông bố của gia đình đơn thân nuôi con và các góa phụ được vay các loại quỹ phúc lợi khác nhau.

#### ●Các loại quỹ vay:

Vốn chuẩn bị nhập học (chi phí ban đầu khi nhập học), vốn học phí (chi phí học tập khi nhập học), v.v...

#### ●Vật cần mang theo:

Sổ hộ khẩu, Phiếu cư trú, Giấy chứng minh thu nhập, Sổ ngân hàng đứng tên người nộp đơn, con dấu

Giấy tờ có thể xác minh mã số cá nhân (My Number), giấy tờ xác minh nhân thân (Thẻ cư trú)

※Tùy loại khoản vay mà hồ sơ sẽ khác nhau. Xin vui lòng liên hệ trao đổi trước.

**Tiền trợ cấp khuyến khích đào tạo dạy nghề chuyên môn nâng cao (高等職業訓練促進給付金 *Koto shokugyo kunren sokushin kyufukin*)**・**Tiền trợ cấp hoàn thành đào tạo dạy nghề chuyên môn (高等職業訓練修了給付金 *Koto shokugyo kunren shuuryou kyufukin*)**・ và **Trợ cấp giáo dục đào tạo hỗ trợ tự lập (自立支援教育訓練給付金 *Jiritsu shien kyoiku kunren kyufukin*)**

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (子ども家庭課 Kodomo Katei-ka) ☎082-420-0407

Hỗ trợ kinh phí để các bà mẹ hoặc ông bố của hộ gia đình đơn thân được đào tạo kỹ năng chuyên môn, nâng cao trình độ và lấy các chứng chỉ nghề nghiệp. Sẽ có những giới hạn về các loại khóa học đào tạo được hỗ trợ cũng như thu nhập của người thuộc đối tượng tham gia, v.v..., vì thế xin vui lòng trao đổi trước khi khóa học bắt đầu.

#### ●Các loại hỗ trợ

✦**Trợ cấp khuyến khích đào tạo kỹ năng chuyên môn nâng cao** (đối tượng: giáo viên nhà trẻ/mẫu giáo, y tá, điều dưỡng, hộ lý, v.v...)

Nếu thời gian học trên 1 năm thì sẽ hỗ trợ chu cấp từng tháng kể từ sau tháng nộp hồ sơ cho toàn bộ quá trình học tập.

✦**Trợ cấp hoàn thành đào tạo dạy nghề chuyên môn nâng cao**

Nộp hồ sơ đăng ký sau khi kết thúc thời hạn khóa học.

✦**Trợ cấp giáo dục đào tạo hỗ trợ tự lập** (đối tượng: tập sự chăm sóc điều dưỡng, công việc văn phòng y tế, v.v...)

Cần phải đăng ký trước khi khai giảng khóa học. Hỗ trợ 60% chi phí (có giới hạn tối đa)

※Tùy thuộc loại trợ cấp và điều kiện mà sẽ có sự khác nhau, vì thế xin vui lòng liên hệ xác nhận trước.

### **Giảm giá vé định kỳ đi tàu JR (JR 通勤定期購入割引 *JR Tsukin teiki konyu waribiki*)**

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (子ども家庭課 Kodomo Katei-ka) ☎082-420-0941

Nếu người đang nhận tiền Trợ cấp nuôi con nhỏ và đang sử dụng hệ thống tàu JR làm phương tiện di chuyển để đi làm thì sẽ được cấp “Giấy chứng nhận giảm giá 割引証明書 *waribiki shomei-sho*” khi mua vé định kỳ.

●Vật cần mang theo:

Giấy chứng nhận trợ cấp nuôi con nhỏ, Giấy chứng nhận tư cách đặc định (特定者資格証明書 *Tokuteisha shikaku shomei-sho*) (nếu không có thì ảnh chụp nửa người size 4cm x 3cm, không đội mũ)

### Những chế độ hỗ trợ khác (その他の支援制度)

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (子ども家庭課 *Kodomo Katei-ka*) ☎082-420-0407

Ngoài các chế độ nêu trên, còn có chế độ khác như “Chương trình hỗ trợ Mẹ con/Cha con tự lập”, v.v... Thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ cơ quan phụ trách.

### Quầy trao đổi, tư vấn (相談窓口)

#### Phòng tư vấn gia đình trẻ em (家庭児童相談室 *Katei jido sodan-shitsu*)

Nơi liên hệ: Ban Gia đình trẻ em (子ども家庭課 *Kodomo Katei-ka*) ☎082-420-0407

Quầy tư vấn hỗ trợ trao đổi các vấn đề nuôi dạy con cái và độc lập kinh tế, tài chính. Nhân viên chuyên trách sẽ hỗ trợ giải đáp, tư vấn.

- Thời gian tiếp nhận: Thứ Hai ~ Thứ Sáu, từ 8:30 ~ 17:00
- Địa chỉ: Ban Gia đình trẻ em Cơ quan hành chính Thành phố Higashihiroshima
- Điện thoại: ☎ 082-420-0407

#### Phòng tư vấn gia đình trẻ em (家庭児童相談室 *Katei jido sodan-shitsu*) trong Trung tâm hỗ trợ tổng hợp nuôi dạy trẻ và người khuyết tật (Heartful) 子育て・障がい総合支援センター (はあとふる)

- Thời gian tiếp nhận: Thứ Tư, từ 10:00 ~ 17:00
- Địa chỉ: Tòa nhà Sunsquare Higashihiroshima, Tầng 1
- Điện thoại: ☎ 082-493-6072

## 8. Phòng chống bạo hành, ngược đãi (虐待防止 *Gyakutai boushi*)

### Các loại bạo hành chủ yếu (虐待の主な種類)

- Bạo hành thân thể (身体的虐待)

Đánh, đá, bóp cổ, khóa cửa nhốt ở ngoài, ấn đầu thuốc lá đang nóng vào người, tạt nước sôi, v.v...

- Bạo hành tinh thần (心理的虐待)

Nói những câu như: “Ước gì mày không được sinh ra”, phân biệt đối xử anh chị em trong nhà, bạo lực với vợ/chồng trước mặt con cái, v.v...

- Bạo hành tình dục (性的虐待)

Cưỡng ép quan hệ tình dục, buộc trẻ xem hành vi tình dục, bắt xem ảnh/phim khiêu dâm, v.v...

- Bỏ rơi (không quan tâm, chăm sóc, không nuôi dạy) (ネグレクト (育児放棄・怠慢))

Không cho trẻ ăn uống đầy đủ, không tắm rửa, bỏ lại trẻ trong nhà hoặc xe ô tô, để trẻ sống trong môi trường dơ bẩn (nơi ở/quần áo), để mặc, làm ngơ cho dù trẻ đang bị bạo hành trong gia đình, v.v...

### Nơi liên hệ và trao đổi (相談・連絡の窓口)

Nếu cảm thấy rằng “hình như đang bị bạo hành”, xin vui lòng liên hệ thông báo ngay lập tức.

※ Thành phố Higashihiroshima

- Phòng tư vấn gia đình và trẻ em (trong Ban Gia đình trẻ em) (家庭児童相談室)

☎082-420-0407

Từ Thứ Hai ~ Thứ Sáu (trừ ngày lễ) 8:30 ~ 17:15

- Phòng trực Cơ quan hành chính Thành phố (市役所当直室)

※ Ngoài khung giờ trên (chỉ dành cho trường hợp liên lạc bạo hành trẻ em)

☎082-422-2111 (Đại diện)

※ Tỉnh Hiroshima

- Trung tâm Gia đình trẻ em Seibu (西部こども家庭センター)

☎082-254-0381

※ Tổng đài chung toàn quốc (全国共通ダイヤル)

- Nơi trao đổi, tư vấn trẻ em

☎189

## 9. Chăm sóc y tế trường hợp khẩn cấp (緊急時の医療 Kinkyuu ji no iryou)

Trẻ có thể đột ngột bị sốt, lừ đừ và các triệu chứng bệnh của con có thể nặng hơn vào ban đêm hoặc ngày nghỉ. Vì thế, xin hãy tìm hiểu kỹ sẵn trước những cơ sở y tế hỗ trợ trong trường hợp cấp cứu khẩn cấp.

### Cơ quan y tế làm việc ban đêm, ngày nghỉ (休日・夜間の診療)

※Danh sách các cơ sở y tế hỗ trợ khẩn cấp vào ban đêm, ngày nghỉ hiện có đăng trên Tờ bản tin đa ngôn ngữ Thành phố Higashihiroshima và Trang chủ của Thành phố.

**Cơ sở y tế khám ngày nghỉ** ☎082-422-5400

●Ngày khám bệnh: Chủ Nhật, ngày lễ, kỳ nghỉ lễ mừng năm mới (30/12 ~ 3/1)

●Thời gian khám: từ 9:00 ~ 12:00, 13:00 ~ 16:00

※Vào thời điểm bận rộn cuối năm, v.v... chỉ có khoa nội và khoa nhi tiếp nhận khám đến 20:00.

●Chuyên khoa: Nội khoa, Nhi khoa, Nha khoa

●Địa chỉ: Saijo-cho, Doyomaru 1113 (Tầng 1 Trung tâm y tế sức khỏe Higashihiroshima (東広島保健医療センター))

### Hướng dẫn y tế (医療案内)

#### Mạng thông tin y tế (Navi 医療情報ネット - ナヴィ)

Hệ thống “Navi” là một mạng thông tin y tế cho phép tìm kiếm cơ sở y tế dựa trên nhiều tiêu chí như: ngày khám, chuyên khoa khám bệnh, các loại bệnh và phương pháp điều trị có thể tiếp nhận, các dịch vụ hỗ trợ đang cung cấp, v.v...



#### Sở cứu hỏa (消防局)

●Thời gian tiếp nhận: mỗi ngày, hỗ trợ 24/24

●Số điện thoại: ☎082-422-0119

#### Trao đổi tư vấn cấp cứu khẩn cấp cho trẻ em (子ども救急電話相談)

●Thời gian tiếp nhận: mỗi ngày, từ 19:00 ~ 8:00 sáng ngày hôm sau

●Số điện thoại: không có mã vùng “#8000” (cũng có thể gọi từ điện thoại di động)

Nếu là điện thoại IP hoặc Hikari thì gọi ☎082-505-1399

※Trường hợp sẽ đi đến bệnh viện hoặc phòng khám đã được hướng dẫn, xin vui lòng gọi điện trước đến cơ sở y tế đó để xác nhận.

#### Trung tâm tư vấn khẩn cấp Hiroshima khu vực đô thị rộng và khu vực Bingo #7119 (救急相談センター広島広域都市圏・備後圏域#7119)

Tư vấn, đưa ra lời khuyên trong trường hợp đau ốm hoặc bị thương đột ngột, v.v...hoang mang, phân vân không biết nên gọi xe cấp cứu hay đến bệnh viện. v.v...hay không

●Thời gian tiếp nhận: 24 giờ, 365 ngày

●Số điện thoại: “#7119” không có mã vùng (cũng có thể gọi từ điện thoại di động)

※Khi không kết nối liên lạc được: gọi ☎082-246-2000

## 10. Thông tin về công viên (公園情報・図書館 Kouen jyohou・Toshokan)

### <Thông tin về công viên (公園情報)>

#### Michi-no-Eki 「Kohan-no-Sato Fukutomi」 (道の駅「湖畔の里福富」)

Nằm đối diện đường By-pass Quốc lộ 375, tọa lạc tại một vị trí tuyệt đẹp được bao quanh bởi mặt nước của đập nước Fukutomi.

Tại đây, ngoài khu trò chơi rộng lớn miễn phí và khu cắm trại nơi có thể tổ chức và thưởng thức tiệc BBQ thì còn có các cơ sở vật chất phục vụ cho trẻ em, người lớn, các nhóm đoàn, v.v...như sân đa năng, phòng học tập thực hành, hội trường, v.v... để cả gia đình có thể vui chơi và tận hưởng thời gian vui vẻ bên nhau.

●Ngày nghỉ: không có ngày nghỉ, chỉ có các nhà hàng sẽ nghỉ vào Thứ Tư hàng tuần

●Địa chỉ: Fukutomi-cho, Kuba 1506

●Đường đi: Từ trạm thu phí Shiwa IC cao tốc Sanyo mất khoảng 30 phút đi ô tô.

Từ trạm thu phí Saijo IC cao tốc Sanyo mất khoảng 25 phút đi ô tô.

#### Công viên Kagamiyama (鏡山公園)

Là một công viên rộng lớn nằm dọc theo đại lộ Boulevard ở phía Nam khu ngoại thành Saijo. Trong công viên có tàn tích của lâu đài Kagamiyama, ngoài ra cũng có khu vui chơi nằm phía trong công viên. Hơn nữa, tại đây có khoảng 500 cây hoa anh đào thuộc 33 loại khác nhau được trồng trong vườn anh đào khiến nơi đây trở thành điểm thu hút khách du lịch.

●Địa chỉ: Kagamiyama, 2-chome

●Đường đi: Từ ga JR Saijo mất khoảng 10 phút đi xe buýt, khoảng 30 phút đi bộ.

Từ ga JR Higashihiroshima mất khoảng 15 phút đi xe buýt.

Từ trạm thu phí Saijo IC cao tốc Sanyo mất khoảng 20 phút đi ô tô.

#### Công viên Ikoi-no-mori (憩いの森公園)

Nằm ở chân núi phía Nam ngọn núi Ryuoizan (龍王山), tọa lạc phía Bắc trung tâm khu Saijo. Từ đài quan sát trên đỉnh núi có thể nhìn thấy quang cảnh thị trấn Saijo, dãy núi Noro ở phía Nam và nếu là ngày đẹp trời còn có thể thấy dãy núi Shikoku.

Trong công viên có các tiện ích như khu đa năng, dòng suối, khu vui chơi dành cho trẻ em, khu cắm trại ban ngày, khu cắm trại trong rừng, khu cắm trại xe ô tô, v.v...và còn có những con đường đi bộ, leo núi.

Vào mùa xuân, có khoảng 2000 cây hoa anh đào cùng nở rộ khoe sắc trong công viên, bao gồm cả rừng hoa anh đào gần trên đỉnh núi. Ngoài ra, còn có khu vui chơi dành cho trẻ em tại đây rất lớn với nhiều trò chơi thú vị, chơi dưới nước tại dòng suối chảy róc rách từ thượng nguồn xuống, nướng thịt tại khu cắm trại ban ngày, v.v...

Suốt bốn mùa đều có thể đến vui chơi và sử dụng các dịch vụ tại đây.

●Địa chỉ: Saijo-cho, Jike 941-17

●Đường đi: Từ ga JR Saijo mất khoảng 30 phút đi bộ.

Từ trạm thu phí Saijo IC cao tốc Sanyo mất khoảng 10 phút đi ô tô.

### **Mitsujo kofun (cạnh thư viện Trung tâm) (三ツ城古墳 (中央図書館となり))**

Tại trung tâm Saijo, có khu mộ cổ hình ổ khóa (khi nhìn từ trên cao xuống) dài 92 mét, là một trong những khu mộ lớn nhất Tỉnh Hiroshima. Cái tên Mitsujo kofun dường như bắt nguồn từ thực tế đó là nó bao gồm phần trước và sau hình tròn của ngôi mộ số 1 và ba phần cao của ngôi mộ số 2. Được cho là lăng mộ của một đại gia đình quyền lực cổ đại, ngôi mộ cổ số 1 được xây dựng vào nửa đầu thế kỷ thứ 5.

Hiện tại, được xem như là công viên Mitsujo vì gần ngay khu mộ cổ có không gian với nhiều dụng cụ vui chơi cũng như quảng trường rộng lớn, do đó rất nhiều phụ huynh đưa con em đến đây vào các dịp lễ.

●Địa chỉ: Saijo-chuo 7-24-1

●Đường đi: Từ ga JR Saijo mất khoảng 7 phút đi xe buýt, 20 phút đi bộ.

### **Michi-no-Eki Saijo Nonta-no-Sakagura (道の駅西条のん太の酒蔵)**

Michi-no-Eki 「Saijo Nonta-no-Sakagura」 tọa lạc tại ven đường Saijo By-pass Quốc lộ số 2. Tại khu vui chơi trong nhà 「Kodomo hiroba」 trẻ em có thể vui chơi với các dụng cụ đồ chơi một cách thoải mái mà không cần bận tâm về mùa và thời tiết. Ngoài ra còn có không gian dành cho trẻ sơ sinh và chiếu tatami, đồng thời gần khu vực Kodomo hiroba cũng có nơi thay bỉm và phòng cho bé bú, máy nước nóng, v.v... vì vậy gia đình có con nhỏ xin hãy yên tâm sử dụng.

●Địa chỉ: Saijo-cho, Jike 10020-43

●Đường đi:

Từ trạm thu phí Shiwa IC cao tốc Sanyo mất khoảng 10 phút đi ô tô.

Từ trạm thu phí Saijo IC cao tốc Sanyo mất khoảng 20 phút đi ô tô.

## **<Thư viện (図書館)>**

### **Thư viện trung tâm (中央図書館)**

【Thời gian mở cửa】 Ngày thường: 9:00 - 18:00 Thứ Bảy・Chủ Nhật・Ngày Lễ: 10:00 - 18:00

〒739-0025 Higashihiroshima-shi, Saijochuo 7-25-11

Số điện thoại: 082-422-9449 FAX: 082-422-9447

### **Thư viện thanh thiếu niên nhi đồng Sunsquare (サンスクエア児童青少年図書館)**

【Thời gian mở cửa】 Ngày thường: 10:00 - 20:00 Thứ Bảy・Chủ Nhật: 10:00 - 18:00

〒739-0043 Higashihiroshima-shi, Saijonishihonmachi 28-6 (Tầng 2 Sunsquare Higashihiroshima)

Số điện thoại: 082-424-3899 FAX: 082-424-3877

### **Thư viện Kurose (黒瀬図書館)**

【Thời gian mở cửa】 Ngày thường: 10:00 - 19:00 Thứ Bảy・Chủ Nhật: 10:00 - 18:00

〒739-2624 Higashihiroshima-shi, Kurose-cho, Sugeta 10 (Tầng 1 Trung tâm học tập suốt đời Kurose)

Số điện thoại: 0823-82-1101 FAX: 0823-82-1104

**Thư viện Fukutomi (福富図書館)**

【Thời gian mở cửa】 10:00 - 18:00

〒739-2303 Higashihiroshima-shi, Fukutomi-cho, Kuba 1545-1 (Tầng 2 cơ quan hành chính chi nhánh Fukutomi)

Số điện thoại: 082-435-3520 FAX: 082-435-3521

**Thư viện Toyosaka (豊栄図書館)**

【Thời gian mở cửa】 9:00-17:00

〒739-2317 Higashihiroshima-shi, Toyosaka-cho, Kajiya, 271

Số điện thoại: 082-432-3611 FAX: 082-432-2075

**Thư viện trẻ em Kochi (河内こども図書館)**

【Thời gian mở cửa】 10:00-18:00

〒739-2201 Higashihiroshima-shi, Kochi-cho, Nakagochi, 1166 (Tầng 2 Văn phòng cơ sở chi nhánh Kochi)

Số điện thoại: 082-437-1711 FAX: 082-437-1722

**Thư viện Akitsu (安芸津図書館)**

【Thời gian mở cửa】 10:00 - 18:00

〒739-2402 Higashihiroshima-shi, Akitsu-cho, Mitsu, 4398 (Tầng 2 sảnh Trung tâm học tập suốt đời Akitsu)

Số điện thoại: 0846-45-2335 FAX: 0846-41-1021

## Thành phố Higashihiroshima

~Để bảo vệ trẻ em khỏi các bệnh truyền nhiễm~

# Hãy cho con tiêm phòng đầy đủ !



### ■ Những vật cần mang theo khi đi tiêm chủng tại cơ sở y tế

- Sổ tay sức khỏe mẹ và bé
- Phiếu khám sức khỏe sơ bộ

Phiếu khám sức khỏe sơ bộ (予診票 khai báo y tế trước tiêm) được phát trong buổi thăm hỏi tại nhà Konnichiwa Akachan Homon do thành phố thực hiện.

Ngoài ra, cũng có thể nhận phiếu này tại các cơ sở y tế, Ban Chăm sóc sức khỏe y tế và các văn phòng hành chính cơ sở (trừ chi nhánh Fukutomi).

### ■ Lưu ý trước khi tiêm chủng

Hãy lên kế hoạch tiêm chủng phù hợp với độ tuổi và tình trạng sức khỏe của trẻ, và thực hiện tiêm tại các cơ sở y tế được chỉ định trong thành phố (tham khảo mặt sau).

Vui lòng đọc kỹ tài liệu hướng dẫn tiêm chủng "Tiêm chủng và sức khỏe trẻ em 予防接種と子どもの健康" do thành phố phát, nắm rõ thông tin về hiệu quả, phản ứng phụ cũng như các lưu ý trước khi tiêm.



### ■ Trường hợp tiêm chủng ngoài thành phố Higashihiroshima

#### cần làm thủ tục trước.

Có thể đăng ký điện tử từ Trang chủ !

Vui lòng thực hiện thủ tục qua đăng ký điện tử hoặc tại quầy tiếp nhận Ban Chăm sóc sức khỏe y tế, các văn phòng hành chính cơ sở (trừ chi nhánh Fukutomi). Thủ tục có thể mất khoảng từ 1~2 tuần.

Khi tiêm chủng ngoài thành phố, có thể phải tự chịu một phần chi phí.



#### 【 Nơi liên hệ trao đổi 】

Ban Chăm sóc sức khỏe y tế - Phòng Phúc lợi sức khỏe -

Thành phố Higashihiroshima

TEL (082) 420- 0936

FAX (082) 422- 2416

〒739-8601 Higashihiroshima-shi, Saijosakae-machi 8-29 Ngày thường: 8:30 ~ 17:15

Ban Phúc lợi và bảo vệ sức khỏe - VP chi nhánh Kurose ☎0823-82-0220

Ban Xúc tiến khu vực - VP chi nhánh Toyosaka ☎082-432-2563

Ban Xúc tiến khu vực - VP chi nhánh Kochi ☎082-437-1109

Ban Phúc lợi và bảo vệ sức khỏe - VP chi nhánh Akitsu ☎0846-45-2065

Thông tin chi tiết về tiêm chủng ngoài thành phố hoặc danh sách các cơ sở y tế, xem tại đây ▼



Trang chủ Thành phố Higashihiroshima  
Cách tiêm chủng định kỳ

# TIÊM CHỦNG ĐỊNH KỲ (miễn phí nếu tiêm trong độ tuổi quy định)

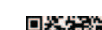


Tiêm dựa theo quy định của Luật tiêm chủng, trong đó quy định rõ loại vắc-xin, đối tượng tiêm và thời gian tiêm phù hợp. Chủ yếu tập trung vào phòng ngừa bệnh nghiêm trọng và phòng bệnh trong cộng đồng. Việc tiêm chủng được khuyến khích mạnh mẽ, và người tiêm (hoặc người giám hộ) có nghĩa vụ thực hiện trong khả năng của mình. Hãy cố gắng tiêm phòng đúng thời điểm được khuyến nghị.

Linh vật du lịch Thành phố Higashihiroshima 「のん太 Nonta」

| Tên tiêm phòng                                                       |                | Độ tuổi được tiêm                                      | Thời điểm tiêm được khuyến nghị                                                                  | Số lần tiêm                 |       | Khoảng cách giữa các mũi                                                                         | Ghi chú                                                                                                                                                              |
|----------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Viêm gan B                                                           |                | Dưới 1 tuổi                                            | 2 tháng sau sinh ~ dưới 9 tháng tuổi                                                             | Đợt đầu                     | 2 lần | Cách ra từ 27 ngày trở lên                                                                       | Trẻ sinh ra từ người mẹ dương tính với kháng nguyên HBs và đã được tiêm vắc-xin viêm gan B (kết hợp với globulin miễn dịch kháng HBs) sẽ không thuộc đối tượng tiêm. |
|                                                                      |                |                                                        |                                                                                                  | Nhắc lại                    | 1 lần | Cách mũi 1 ít nhất từ 139 ngày trở lên                                                           |                                                                                                                                                                      |
| Rota                                                                 | Rotarix (số 1) | Từ 6 ~ 24 tuần tuổi                                    | 2 tháng tuổi ~ 24 tuần tuổi (mũi đầu tiên phải thực hiện trước khi trẻ được 14 tuần 6 ngày tuổi) | 2 lần                       |       | Cách ít nhất 27 ngày                                                                             | Là vắc-xin dạng uống. Chọn 1 trong 2 loại và hoàn tất tiêm phòng.                                                                                                    |
|                                                                      | Rotateq (số 5) | Từ 6 ~ 32 tuần tuổi                                    | 2 tháng tuổi ~ 32 tuần tuổi (mũi đầu tiên phải thực hiện trước khi trẻ được 14 tuần 6 ngày tuổi) | 3 lần                       |       | Cách ít nhất 27 ngày                                                                             |                                                                                                                                                                      |
| Phế cầu khuẩn ở trẻ                                                  |                | Từ 2 tháng tuổi ~ dưới 5 tuổi                          | 2 tháng tuổi ~ dưới 7 tháng tuổi bắt đầu tiêm                                                    | Đợt đầu                     | 3 lần | Cách ít nhất 27 ngày (trước khi trẻ được 12 tháng tuổi)                                          | Số lần tiêm sẽ khác nhau tùy theo độ tuổi bắt đầu tiêm.<br>Vui lòng tham khảo tài liệu "Tiêm chủng và sức khỏe trẻ em 予防接種と子どもの健康" do thành phố phát hành.           |
|                                                                      |                |                                                        | 12 tháng tuổi ~ dưới 15 tháng tuổi                                                               | Nhắc lại                    | 1 lần | Sau khi hoàn thành loạt tiêm cơ bản, cách ra từ 60 ngày trở lên, trong khoảng 12 ~ 15 tháng tuổi |                                                                                                                                                                      |
| Bạch hầu<br>Ho gà<br>Uốn ván<br>Bại liệt<br>Hib<br>(Tổng hợp 5 loại) |                | Từ 2 tháng sau sinh ~ dưới 7 tuổi rưỡi                 | 2 tháng tuổi ~ dưới 7 tháng tuổi                                                                 | Đợt đầu kỳ 1                | 3 lần | Cách ra từ 20 ngày trở lên                                                                       |                                                                                                                                                                      |
|                                                                      |                |                                                        | Cách ra ít nhất 6 tháng ~ 1 năm rưỡi sau khi kết thúc tiêm lần đầu kỳ 1                          | Nhắc lại kỳ 1               | 1 lần | Cách ít nhất 6 tháng, sau khi hoàn thành loạt tiêm cơ bản                                        |                                                                                                                                                                      |
|                                                                      |                | Từ 11 tuổi ~ dưới 13 tuổi                              | 11 tuổi                                                                                          | Kỳ 2 [Tổng hợp 2 loại (DT)] | 1 lần | —                                                                                                | Kỳ 2 là loại tổng hợp 2 loại (DT): Bạch hầu và Uốn ván.                                                                                                              |
| BCG                                                                  |                | Dưới 1 tuổi                                            | 5 tháng sau sinh ~ dưới 8 tháng tuổi                                                             | 1 lần                       |       | —                                                                                                | Tiêm phòng bệnh lao                                                                                                                                                  |
| Hỗn hợp Sởi – Rubella (MR)                                           |                | Từ 1 tuổi ~ dưới 2 tuổi                                | 1 tuổi ~ dưới 2 tuổi                                                                             | Kỳ 1                        | 1 lần | —                                                                                                | Người không thể tiêm do thiếu nguồn cung vắc-xin trong niên độ năm 6, Reiwa vẫn có thể tiêm chủng theo diện tiêm chủng định kỳ đến hết niên độ năm 8, Reiwa          |
|                                                                      |                | Trong 1 năm trước khi vào tiểu học, từ 5 ~ dưới 7 tuổi | Trong vòng 1 năm trước khi nhập học tiểu học (1/4 ~ 31/3)                                        | Kỳ 2                        | 1 lần | —                                                                                                |                                                                                                                                                                      |
| Thủy đậu                                                             |                | Từ 1 tuổi ~ dưới 3 tuổi                                | 1 tuổi ~ dưới 1 tuổi 3 tháng                                                                     | 2 lần                       |       | Cách 3 tháng trở lên (tiêu chuẩn là từ 6 ~ 12 tháng)                                             |                                                                                                                                                                      |
| Viêm não Nhật Bản 日本脳炎                                               |                | 6 tháng tuổi ~ dưới 7 tuổi rưỡi                        | 3 tuổi                                                                                           | Đợt đầu Kỳ 1                | 2 lần | Ít nhất 6 ngày, theo tiêu chuẩn là trong vòng 28 ngày                                            | 【Đối tượng áp dụng chế độ đặc biệt】<br>Người dưới 20 tuổi đã bỏ lỡ cơ hội tiêm do việc tạm ngừng khuyến nghị tiêm chủng có thể tiêm bù số mũi còn thiếu.             |
|                                                                      |                |                                                        | 4 tuổi                                                                                           | Nhắc lại Kỳ 1               | 1 lần | Sau khi hoàn thành các mũi cơ bản, cách ít nhất 6 tháng (theo tiêu chuẩn là khoảng 1 năm sau)    |                                                                                                                                                                      |
|                                                                      |                | 9 tuổi ~ dưới 13 tuổi                                  | 9~10 tuổi                                                                                        | Kỳ 2                        | 1 lần | —                                                                                                |                                                                                                                                                                      |



| Ung thư<br>cổ tử<br>cung<br>【ngừa<br>9<br>chủng】<br>※Cũng có<br>thể tiêm<br>loại ngừa<br>2 và 4<br>chủng | Độ tuổi được<br>tiêm                                                                  | Thời điểm<br>khuyến nghị     | Số lần tiêm                                                          | Khoảng cách giữa các mũi                                                                                                                                                                                       | Ghi chú                                                                                                                                                                                                   |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                          | Nữ sinh từ năm<br>thứ 6 Tiểu học ~<br>tương đương<br>năm thứ 1 Trung<br>học phổ thông | Năm 1,<br>Trung học<br>cơ sở | Trường hợp tiêm mũi đầu<br>tiên trước 15 tuổi: <b>2 lần</b>          | Ít nhất 5 tháng<br>(theo tiêu chuẩn là sau 6 tháng)                                                                                                                                                            | Thông tin về<br>vắc-xin phòng<br>2 chủng và 4<br>chủng HPV<br>và tiêm bù<br>(catch-up) vui<br>lòng xem tại<br>đây ➡  |
|                                                                                                          |                                                                                       |                              | Trường hợp tiêm mũi đầu<br>tiên từ 15 tuổi trở lên: <b>3<br/>lần</b> | Mũi 2 tiêm sau ít nhất 1 tháng kể từ mũi 1<br>(Theo tiêu chuẩn tiêm sau 2 tháng kể từ mũi đầu tiên)<br><br>Mũi 3 tiêm sau ít nhất 3 tháng kể từ mũi 2<br>(Theo tiêu chuẩn tiêm sau 6 tháng kể từ mũi đầu tiên) |                                                                                                                                                                                                           |

※ Đối với các loại vắc-xin không có trong danh sách, như vắc-xin 4 trong 1 hoặc Hib, vui lòng liên hệ Ban Chăm sóc sức khỏe y tế hoặc cơ sở y tế để được tư vấn.

## TIÊM CHỦNG TỰ NGUYỆN

| Tên tiêm phòng | Đối tượng               | Mức hỗ trợ tối đa                                                               | Ghi chú                          |
|----------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| Quai bị        | từ 1 tuổi ~ dưới 2 tuổi | 6,000 yên ※chỉ 1 lần<br>(Tùy vào cơ sở y tế, có thể có một phần chi phí tự trả) | Thông tin chi tiết xem tại đây ➡ |



# Danh sách các cơ sở trông giữ trẻ Thành phố Higashihiroshima

Nhà trẻ

Tại thời điểm ngày 1/4/2025

| Khu vực       | Loại | Tên nhà trẻ                          | Số lượng trẻ | Địa chỉ                            | Số điện thoại | Độ tuổi tiếp nhận          | Thời gian mở cửa (※ <i>Chú ý 1</i> ) |                          | Giữ trẻ ngoài giờ (thể m giò) | Giữ trẻ tạm thời | Giữ trẻ sức khỏe không tốt | Hỗ trợ nuôi dạy trẻ khu vực |
|---------------|------|--------------------------------------|--------------|------------------------------------|---------------|----------------------------|--------------------------------------|--------------------------|-------------------------------|------------------|----------------------------|-----------------------------|
|               |      |                                      |              |                                    |               |                            | Thời gian giữ trẻ tiêu chuẩn         | Giữ trẻ thời gian ngắn   |                               |                  |                            |                             |
| Saijo         | Công | Teranishi Hoikusho                   | 142          | Saijo-cho, Jike 7735-3             | 423-4138      | Từ 12 tháng trở lên        | 7:30~18:30<br>7:30~17:00             | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 |                               |                  |                            |                             |
|               | Công | Saijo Higashi Hoikush                | 140          | Saijo-nishihonmachi 11-24          | 423-6987      | Từ 12 tháng trở lên        | 7:00~19:00<br>7:00~17:00             | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 | ○                             | ○                |                            |                             |
|               | Công | Itaki Hoikusho                       | 110          | Saijo-cho, Morichika 966-1         | 425-1101      | Từ 12 tháng trở lên        | 7:30~18:30<br>7:30~17:00             | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 |                               |                  |                            |                             |
|               | Công | Gota Hoikusho                        | 80           | Saijo-cho, Goso 11133-2            | 425-0576      | Từ 12 tháng trở lên        | 7:30~18:30<br>7:30~17:00             | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 |                               |                  |                            |                             |
|               | Tư   | Seiun Hoikuen                        | 150          | Saijo-cho, Jike 1427               | 423-9704      | Từ 6 tháng trở lên         | 7:00~19:00<br>7:00~17:00             | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 | ○                             | ○                |                            | ○                           |
|               | Tư   | Gyokuho Hoikuen                      | 100          | Saijo-shitami 6-3-65               | 422-5599      | Từ 6 tháng trở lên         | 7:00~19:00<br>7:30~17:00             | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 | ○                             | ○                |                            |                             |
|               | Tư   | Aigran Hoikuen Saijo-chuo            | 90           | Saijo-chuo 5-17-11                 | 490-3773      | Từ 3 tháng trở lên         | 7:30~19:00<br>7:30~19:00             | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 | ○                             |                  |                            |                             |
|               | Tư   | Aozora Kids School                   | 30           | Saijo-cho, Jike 6454               | 423-8888      | Từ 6 tháng đến dưới 3 tuổi | 7:15~19:15<br>7:15~17:30             | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 | ○                             | ○                |                            |                             |
|               | Tư   | Aigran Hoikuen Saijo-higashi         | 90           | Saijo-cho, Saijo-higashi 751-1     | 490-4299      | Từ 3 tháng trở lên         | 7:30~19:30<br>7:30~19:30             | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 | ○                             |                  |                            |                             |
|               | Tư   | Saijo Aoi Hoikuen                    | 120          | Saijo-cho, Jike 5017-3             | 430-7373      | Từ 6 tháng trở lên         | 7:15~19:15<br>7:15~17:30             | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 | ○                             | ○                |                            | ○                           |
|               | Tư   | Aoi Hoikuen                          | 180          | Saijo-cho, Jike 737                | 493-5000      | Từ 6 tháng trở lên         | 7:15~19:15<br>7:15~17:30             | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 | ○                             | ○                |                            |                             |
|               | Tư   | Minaga Taiyo Hoikuei                 | 150          | Saijo-cho, Shimominaga 10730-19    | 426-2177      | Từ 3 tháng trở lên         | 7:00~19:00<br>7:00~19:00             | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 | ○                             | ○                | ○                          | ○                           |
|               | Tư   | Aigran Hoikuen Jike                  | 120          | Saijo-cho, Jike 4759               | 437-4300      | Từ 3 tháng trở lên         | 7:30~19:30<br>7:30~19:30             | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 | ○                             |                  | ○                          |                             |
|               | Tư   | O-enu Daiichi Hoikue                 | 40           | Saijo-showamachi 9-2               | 490-3189      | Từ 2 tháng trở lên         | 7:00~20:00<br>7:00~20:00             | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 | ○                             |                  |                            |                             |
|               | Tư   | Saijo Nijjiro Hoikuen                | 82           | Saijo-honmachi 11-13               | 490-5211      | Từ 3 tháng trở lên         | 7:00~19:00<br>7:00~19:00             | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 | ○                             | ○                | ○                          |                             |
|               | Tư   | Aigran Hoikuen Teranishi             | 150          | Saijo-cho, Jike 3233-1             | 437-5822      | Từ 3 tháng trở lên         | 7:30~19:30<br>7:30~19:30             | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 | ○                             |                  | ○                          |                             |
|               | Tư   | Aigran Hoikuen Hiroshima Daigaku-mae | 130          | Kagamiyama 1-7-5                   | 427-6341      | Từ 3 tháng trở lên         | 7:30~19:30<br>7:30~19:30             | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 | ○                             |                  |                            |                             |
|               | Tư   | Misonou Nijjiro Hoikuen              | 180          | Saijo-cho, Misono 4907-1           | 426-3300      | Từ 6 tháng trở lên         | 7:00~19:00<br>7:00~17:30             | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 | ○                             | ○                | ○                          |                             |
| Hachihonmatsu | Công | Yoshikawa Hoikusho                   | 30           | Hachihonmatsu-cho, Yoshikawa 351-1 | 429-1055      | Từ 12 tháng trở lên        | 7:30~18:30<br>7:30~12:30             | 8:30~16:30<br>7:30~12:30 |                               |                  |                            |                             |
|               | Công | Hara Hoikusho                        | 80           | Hachihonmatsu-cho, Hara 6782-1     | 429-0950      | Từ 12 tháng trở lên        | 7:30~18:30<br>7:30~12:30             | 8:30~16:30<br>7:30~12:30 |                               |                  |                            |                             |
|               | Tư   | Hachihonmatsu Aoi Hoikuen            | 120          | Hachihonmatsu-higashi 6-6-28       | 428-5551      | Từ 6 tháng trở lên         | 7:15~19:15<br>7:15~17:30             | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 | ○                             | ○                |                            | ○                           |
|               | Tư   | Aigran Hoikuen (Kawakami)            | 90           | Hachihonmatsu, Iida 2-5-3          | 426-5666      | Từ 3 tháng trở lên         | 7:30~19:30<br>7:30~19:30             | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 | ○                             | ○                |                            |                             |
|               | Tư   | Aigran Hoikuen (Yonemitsu)           | 116          | Hachihonmatsu, Yonemitsu 1039-1    | 430-7738      | Từ 57 ngày tuổi trở lên    | 7:30~19:30<br>7:30~19:30             | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 | ○                             | ○                | ○                          |                             |
| Shiwa         | Công | Shiwahori Hoikusho                   | 30           | Shiwa-cho, Shiwahori 839-6         | 433-2515      | Từ 12 tháng trở lên        | 7:30~19:00<br>7:30~12:30             | 8:30~16:30<br>7:30~12:30 | ○                             |                  |                            |                             |
|               | Tư   | Higashi Shiwa Hoikue                 | 40           | Shiwa-cho, Shiwa-higashi 1210      | 433-5800      | Từ 3 tháng trở lên         | 7:00~19:00<br>7:00~19:00             | 8:00~16:00<br>8:00~16:00 | ○                             | ○                | ○                          | ○                           |
|               | Tư   | Nishi-Shiwa Chuo Hoikuen             | 30           | Shiwa-cho, Shichijo-kabusaka 1249  | 433-4961      | Từ 3 tháng trở lên         | 7:00~18:45                           | 8:30~16:30               | ○                             | ○                |                            |                             |
| Takaya        | Công | Takaya Higashi Hoikusho              | 90           | Takaya-cho, Shiraichi 631-1        | 434-0303      | Từ 12 tháng trở lên        | 7:30~18:30<br>7:30~17:00             | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 |                               |                  |                            |                             |
|               | Công | Kodani Hoikusho                      | 90           | Takaya-cho, Kodani 1694            | 434-0537      | Từ 12 tháng trở lên        | 7:30~18:30<br>7:30~17:15             | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 |                               |                  |                            |                             |
|               | Công | Zoka Hoikusho                        | 60           | Takaya-cho, Zoka 3686              | 436-0012      | Từ 12 tháng trở lên        | 7:30~18:30<br>7:30~17:00             | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 |                               |                  |                            |                             |
|               | Công | Takaya Chuo Hoikush                  | 120          | Takaya-cho, Nakashima 407          | 434-4032      | Từ 10 tháng trở lên        | 7:00~19:00<br>7:00~17:00             | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 | ○                             | ○                |                            |                             |
| Kurose        | Công | Itaki Nishi Hoikusho                 | 60           | Kurose-cho, Otada 438-1            | 0823-82-5051  | Từ 6 tháng trở lên         | 7:30~18:00<br>7:30~18:00             | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 |                               | ○                |                            |                             |
|               | Công | Kami-Kurose Hoikusho                 | 60           | Kurose-cho, Minamigata 1411        | 0823-82-5243  | Từ 6 tháng trở lên         | 7:30~18:00<br>7:30~18:00             | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 |                               |                  |                            |                             |
|               | Công | Nominoo Hoikusho                     | 70           | Kurose-cho, Nominoo 2131           | 0823-82-5241  | Từ 6 tháng trở lên         | 7:30~18:30<br>7:30~18:00             | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 |                               |                  |                            |                             |
|               | Công | Naka-Kurose Hoikusho                 | 180          | Kurose-cho, Maruyama 1453-4        | 0823-82-3122  | Từ 6 tháng trở lên         | 7:00~19:00<br>7:00~18:00             | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 | ○                             | ○                |                            |                             |
|               | Công | Akatsuki Hoikusho                    | 105          | Kurose-cho, Tsue 857               | 0823-82-3121  | Từ 6 tháng trở lên         | 7:30~18:30<br>7:30~18:00             | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 |                               |                  |                            |                             |

| Khu vực | Loại | Tên nhà trẻ          | Số lượng trẻ | Địa chỉ                    | Số điện thoại | Độ tuổi tiếp nhận   | Thời gian mở cửa (Chú ý 1)              |                          | Giữ trẻ ngoài giờ (thể m giò) | Giữ trẻ tạm thời | Giữ trẻ sức khỏe không tốt | Hỗ trợ nuôi dạy trẻ khu vực |
|---------|------|----------------------|--------------|----------------------------|---------------|---------------------|-----------------------------------------|--------------------------|-------------------------------|------------------|----------------------------|-----------------------------|
|         |      |                      |              |                            |               |                     | Thời gian giữ trẻ tiêu chuẩn            | Giữ trẻ thời gian ngắn   |                               |                  |                            |                             |
| Kochi   | Công | Kochi Nishi Hoikusho | 40           | Kochi-cho, Kodo 802-2      | 438-0283      | Từ 3 tháng trở lên  | 7:30~19:00<br>7:30~12:30                | 8:30~16:30<br>7:30~12:30 | ○                             |                  |                            | ○                           |
|         | Tư   | Nyuno Hikari Hoikuer | 70           | Kochi-cho, Nyuno 868-3     | 437-0516      | Từ 4 tháng trở lên  | 7:15~19:00<br>7:15~17:00                | 8:00~16:00<br>8:00~16:00 |                               |                  |                            | ○                           |
| Akitsu  | Công | Kidani Hoikusho      | 40           | Akitsu-cho, Kidani 11218-1 | 0846-45-4322  | Từ 10 tháng trở lên | 7:30~18:00<br>Giữ trẻ tại nhà trẻ Mitsu | 8:30~16:30               |                               |                  |                            |                             |
|         | Công | Mitsu Hoikusho       | 63           | Akitsu-cho, Mitsu 5545-2   | 0846-45-2170  | Từ 10 tháng trở lên | 7:30~18:30<br>7:30~18:00                | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 |                               | ○                |                            | ○                           |
|         | Công | Kazahaya Hoikusho    | 58           | Akitsu-cho, Kazahaya 367-3 | 0846-45-1476  | Từ 10 tháng trở lên | 7:30~18:00<br>Giữ trẻ tại nhà trẻ Mitsu | 8:30~16:30               |                               |                  |                            |                             |

(Nhà trẻ phức hợp Nintei kodomo-en) (※Chú ý 2)

| Khu vực       | Loại | Tên nhà trẻ                              | Số lượng trẻ | Địa chỉ                         | Số điện thoại | Độ tuổi tiếp nhận          | Thời gian mở cửa (Chú ý 1)                   |                          | Giữ trẻ ngoài giờ (thể m giò) | Giữ trẻ tạm thời | Giữ trẻ sức khỏe không tốt | Hỗ trợ nuôi dạy trẻ khu vực |
|---------------|------|------------------------------------------|--------------|---------------------------------|---------------|----------------------------|----------------------------------------------|--------------------------|-------------------------------|------------------|----------------------------|-----------------------------|
|               |      |                                          |              |                                 |               |                            | Thời gian giữ trẻ tiêu chuẩn                 | Giữ trẻ thời gian ngắn   |                               |                  |                            |                             |
| Saijo         | Công | Misonou Yochien                          | 56<br>70     | Kagamiyama 3-6-27               | 422-4640      | Từ 12 tháng trở lên        | 7:30~18:30<br>7:30~12:30                     | 8:30~16:30<br>7:30~12:30 |                               |                  |                            |                             |
|               | Tư   | Nintei-kodomo-en Saz                     | 120<br>180   | Saijo-cho, Jike 261             | 422-3788      | Từ 6 tháng trở lên         | 7:15~19:15<br>8:15~16:15                     | 7:15~15:15<br>8:15~16:15 | ○                             |                  | ○                          | ○                           |
|               | Tư   | Nintei-kodomo-en Sazanami Noie           | 22<br>2      | Saijo-cho, Jike 252             | 422-3788      | Từ 6 tháng đến dưới 3 tuổi | 7:15~19:15<br>8:15~16:15                     | 7:15~15:15<br>8:15~16:15 | ○                             |                  | ○                          |                             |
|               | Tư   | Nintei-kodomo-en MisonoKobato-no-Mori    | 150<br>30    | Saijo-cho, Misono 4481-1        | 431-5559      | Từ 6 tháng trở lên         | 7:00~19:00<br>8:00~17:00                     | 8:00~16:00<br>8:00~16:00 | ○                             | ○                | ○                          | ○                           |
|               | Tư   | Nintei-kodomo-en Samuel Saijo            | 245<br>10    | Saijo-cho, Doyomaru 1179-1      | 424-3000      | Từ 3 tháng trở lên         | 7:00~19:00<br>7:00~19:00                     | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 | ○                             | ○                | ○                          | ○                           |
|               | Tư   | Nintei-kodomo-en Aiikuen                 | 185<br>5     | Saijo-cho, Misono 6245-1        | 424-3932      | Từ 3 tháng trở lên         | 7:00~19:00<br>7:30~17:30                     | 8:00~16:00<br>8:00~16:00 | ○                             | ○                | ○                          | ○                           |
|               | Tư   | Saijo Mizuki Nintei-kodomo-en            | 60<br>15     | Saijo-cho, Jike 7377            | 423-0332      | Từ 12 tháng trở lên        | 7:30~19:00<br>(giữ tại Hachihonmatsu Miduki) | 8:00~16:00               | ○                             | ○                |                            | ○                           |
|               | Tư   | Sakuragaoka Nintei-kodomo-en             | 142<br>5     | Saijo-cho, Jike 7175-1          | 495-1717      | Từ 10 tháng trở lên        | 7:00~19:00<br>8:00~18:00                     | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 | ○                             | ○                | ○                          |                             |
| Hachihonmatsu | Tư   | Saijo Yochien                            | 102<br>81    | Saijo-asahimachi 6-13           | 422-2915      | Từ 12 tháng trở lên        | 7:30~18:30                                   | 8:30~16:30               |                               | ○                |                            |                             |
|               | Tư   | Azalea Kids Station                      | 40<br>25     | Hachihonmatsu-nishi 2-5-21      | 428-3535      | Từ 9 tháng trở lên         | 7:00~18:30                                   | 8:30~16:30               | ○                             | ○                |                            |                             |
|               | Tư   | Hachihonmatsu Miduki Nintei-kodomo-en    | 30<br>25     | Hachihonmatsu, Iida 6-6-33      | 437-5020      | Từ 12 tháng trở lên        | 7:30~18:30<br>8:00~17:00                     | 8:00~16:00<br>8:30~16:30 |                               | ○                |                            | ○                           |
|               | Tư   | Myotoku Kodomo-en                        | 90<br>10     | Hachihonmatsu, Iida 572         | 428-4678      | Từ 6 tháng trở lên         | 7:00~19:00<br>7:30~17:00                     | 8:00~16:00<br>8:00~16:00 | ○                             | ○                |                            | ○                           |
| Shiwa         | Tư   | Hachihonmatsu Taiyo Kodomo-en            | 138<br>10    | Hachihonmatsu, Hara 10128-196   | 497-1024      | Từ 3 tháng trở lên         | 7:00~19:00<br>7:00~19:00                     | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 | ○                             | ○                | ○                          | ○                           |
|               | Tư   | Shiwa Ryujo Nintei-kodomo-en             | 40<br>5      | Shiwa-cho, Shiwa-nishi 1456-3   | 433-5701      | Từ 3 tháng trở lên         | 7:00~19:00<br>7:00~17:30                     | 8:00~16:00<br>8:00~16:00 | ○                             | ○                |                            | ○                           |
| Takaya        | Tư   | Nintei-kodomo-en Samuel Higashihiroshima | 240<br>15    | Takaya-cho, Nakashima 490-5     | 420-4333      | Từ 3 tháng trở lên         | 7:00~19:00<br>7:00~19:00                     | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 | ○                             | ○                | ○                          | ○                           |
|               | Tư   | Froebel Yochien                          | 147<br>51    | Takaya-takamigaoka 4-28-3       | 434-7686      | Từ 10 tháng trở lên        | 7:00~19:00<br>7:00~17:00                     | 8:30~16:30<br>8:30~16:30 | ○                             |                  |                            |                             |
| Kurose        | Tư   | Himawari Nintei-kodomo-en                | 30<br>35     | Kurose-matsugaoka 29-5          | 0823-82-6707  | Từ 6 tháng trở lên         | 7:00~18:30                                   | 8:00~16:00               | ○                             | ○                |                            | ○                           |
|               | Tư   | Nintei-kodomo-en Midorigaoka Yochien     | 80<br>114    | Kurose-cho, Maruyama 1606-2     | 0823-82-2844  | Từ 6 tháng trở lên         | 7:15~19:15<br>8:00~12:30                     | 7:15~15:15<br>8:00~12:30 | ○                             |                  |                            | ○                           |
| Fukutomi      | Công | Nintei-kodomo-en Kuba                    | 40<br>10     | Fukutomi-cho, Kuba 3327         | 435-2034      | Từ 12 tháng trở lên        | 7:30~18:30<br>7:30~12:30                     | 8:30~16:30<br>7:30~12:30 |                               |                  |                            |                             |
|               | Công | Nintei-kodomo-en Takeni                  | 40<br>10     | Fukutomi-cho, Shimodakeni 534-2 | 435-2371      | Từ 12 tháng trở lên        | 7:30~18:30<br>7:30~12:30                     | 8:30~16:30<br>7:30~12:30 |                               |                  |                            |                             |
| Toyosaka      | Công | Nintei-kodomo-en Toyosaka                | 70<br>10     | Toyosaka-cho, Kajiya 577-1      | 432-2019      | Từ 10 tháng trở lên        | 7:30~18:30<br>7:30~12:30                     | 8:30~16:30<br>7:30~12:30 |                               | ○                |                            | ○                           |
| Akitsu        | Tư   | Nintei-kodomo-en Kazahaya Yochien        | 25<br>25     | Akitsu-cho, Kazahaya 3185-1     | 0846-45-4065  | Từ 12 tháng trở lên        | 7:30~18:00                                   | 8:00~16:00               |                               | ○                |                            |                             |

(Cơ sở giữ trẻ quy mô nhỏ)

| Khu vực       | Loại | Tên nhà trẻ   | Số lượng trẻ | Địa chỉ                     | Số điện thoại | Độ tuổi tiếp nhận          | Thời gian mở cửa (Chú ý 1)   |                          | Giữ trẻ ngoài giờ (thể m giò) | Giữ trẻ tạm thời | Giữ trẻ sức khỏe không tốt | Hỗ trợ nuôi dạy trẻ khu vực |
|---------------|------|---------------|--------------|-----------------------------|---------------|----------------------------|------------------------------|--------------------------|-------------------------------|------------------|----------------------------|-----------------------------|
|               |      |               |              |                             |               |                            | Thời gian giữ trẻ tiêu chuẩn | Giữ trẻ thời gian ngắn   |                               |                  |                            |                             |
| Saijo         | Tư   | Kaede-no-Mori | 12           | Saijo-cho, Misono 10549-20  | 437-3200      | Từ 6 tháng đến dưới 3 tuổi | 7:30~19:00<br>8:00~17:00     | 8:00~16:00<br>8:00~16:00 | ○                             | ○                |                            |                             |
| Hachihonmatsu | Tư   | Mebae Hoikuen | 19           | Hachihonmatsu-minami 2-4-14 | 428-8850      | Từ 6 tháng đến dưới 3 tuổi | 7:00~19:00<br>7:00~17:00     | 8:00~16:00<br>8:00~16:00 | ○                             | ○                |                            |                             |

(Chú ý 1) Về thời gian mở cửa thì đồng trên là ngày thường (Thứ Hai~Thứ Sáu) và đồng dưới là Thứ Bảy. Trong thời gian giữ trẻ tiêu chuẩn ngày thường của nhà trẻ có tiếp nhận giữ trẻ ngoài giờ, đã bao gồm cả khung thời gian kéo dài giữ trẻ, và sẽ cần phí giữ trẻ thêm giờ nếu giữ trẻ trong khung thời gian kéo dài đó.  
(Chú ý 2) Về số lượng trẻ của nhà trẻ phức hợp kodomo-en thì đồng trên là phần giữ trẻ chức năng nhà trẻ (chứng nhận số 2・số 3, tức là trẻ dưới 3 tuổi cần trông giữ, chăm sóc cá ngày) và đồng dưới là phần giữ trẻ chức năng mẫu giáo (chứng nhận số 1, là trẻ từ 3 tuổi trở lên tham gia chương trình giáo dục mầm non).



Danh sách các cơ sở trông giữ trẻ ngoài tiêu chuẩn Ninkagai

Tại thời điểm ngày 1/4/2025

| Khu vực       | Tên cơ sở giữ trẻ                             | Địa chỉ                                                        | Số điện thoại | Độ tuổi tiếp nhận                     | Ghi chú                                                                                                     |
|---------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Saijo         | Hoikuen Chibikko Land Saijo Chuo En           | Saijo Sakae-machi 9-12                                         | 082-424-1155  | 6 tháng tuổi ~ trước khi vào tiểu học |                                                                                                             |
|               | Kaeru Hoikuen                                 | Saijo Doyomaru 5-4-35                                          | 082-421-4410  | 6 tháng tuổi ~ trước khi vào tiểu học |                                                                                                             |
|               | Higashihiroshima YMCA Sogo Youji-en           | Saijo Nishihonmachi 28-6 (Tầng 4, Sunsquare)                   | 082-423-1717  | 2 tuổi ~ trước khi vào tiểu học       |                                                                                                             |
|               | Kids Academy Kodomo-en                        | Saijo-cho, Misonou 6231-1                                      | 082-431-4174  | 0 tuổi ~ 12 tuổi                      |                                                                                                             |
|               | Natsume Hoikuen                               | Saijo-cho, Jike 4732-1 (201 Tờ a nhà Tabe)                     | 082-437-3030  | 6 tháng tuổi ~ 2 tuổi                 | Cơ sở nuôi dạy trẻ do doanh nghiệp quản lý (Chú ý 1)                                                        |
|               | Nozomi-no-Mori Hoikuen                        | Saijo-cho, Sukezane 1182-1 (Tầng 2, Nozomi Seikei-Geka Clinic) | 082-426-3222  | 6 tháng tuổi ~ trước khi vào tiểu học | Cơ sở nuôi dạy trẻ do doanh nghiệp quản lý                                                                  |
|               | Aiwa Hoikuen Saijo                            | Saijo Kamiichi-cho 6-32                                        | 082-437-4156  | 4 tháng tuổi ~ 2 tuổi                 | Cơ sở nuôi dạy trẻ do doanh nghiệp quản lý                                                                  |
|               | Aiguran Hoikuen Saijo                         | Saijo Chuo 1-6-5                                               | 082-426-5213  | 57 ngày tuổi ~ 2 tuổi                 | Cơ sở nuôi dạy trẻ do doanh nghiệp quản lý                                                                  |
|               | Fureai Hoikuen Saijo                          | Saijo-cho, Jike 7409                                           | 082-421-2220  | 0 tuổi ~ trước khi vào tiểu học       | Cơ sở nuôi dạy trẻ do doanh nghiệp quản lý                                                                  |
|               | Kamo Hoikuen Haccherry                        | Saijo-cho, Misonou 5557-1                                      | 082-437-3388  | 6 tháng tuổi ~ trước khi vào tiểu học | Cơ sở nuôi dạy trẻ do doanh nghiệp quản lý                                                                  |
|               | International Kids Community                  | Saijo, Jike 7093-7                                             | 082-437-3388  | 57 ngày tuổi ~ trước khi vào tiểu học | Cơ sở nuôi dạy trẻ do doanh nghiệp quản lý                                                                  |
|               | Little-nuts Hoiku-en                          | Saijo-cho, Jike 6537-13                                        | 082-424-8666  | 0 tuổi ~ 2 tuổi                       | Cơ sở nuôi dạy trẻ do doanh nghiệp quản lý, góp chung với nơi giữ trẻ bị bệnh, ốm và trẻ đường bệnh, sau ốm |
|               | C&E                                           | Saijo, Shitami 997-1                                           | 082-421-0667  | 2 tuổi ~ trước khi vào tiểu học       |                                                                                                             |
|               | MK International Youji-en ・ Jidou-en          | Saijo-cho, Misonou 6231-1                                      | 0120-006-206  | 1 tháng tuổi ~ 12 tuổi                |                                                                                                             |
| Hachihonmatsu | Higashihiroshima Steiner Kodomo-en Sakura     | Hachihonmatsu-cho, Sasa 86                                     | 082-427-3337  | 3 tuổi ~ trước khi vào tiểu học       |                                                                                                             |
|               | Trung tâm hỗ trợ và giao lưu đa thế hệ Tokiwa | Hachihonmatsu-cho, Hara 5946-7                                 | 082-420-9200  | 1 tuổi ~ trước khi vào tiểu học       |                                                                                                             |
|               | Aiwa Hoikuen Hachihonmatsu                    | Hachihonmatsu Higashi 2-13-17                                  | 082-437-5232  | 4 tháng tuổi ~ 2 tuổi                 | Cơ sở nuôi dạy trẻ do doanh nghiệp quản lý                                                                  |
| Takaya        | Aozora Hoikuen                                | Takaya-cho, Miyaryo 178-2                                      | 082-491-0031  | 6 tháng tuổi ~ 3 tuổi                 | Cơ sở nuôi dạy trẻ do doanh nghiệp quản lý                                                                  |
| Kurose        | Mugiwara-boshi Kodomo-en                      | Kurose-cho, Minamigata 1199-1                                  | 0823-83-0803  | 2 tuổi ~ trước khi vào tiểu học       |                                                                                                             |
| Akitsu        | Hoikusho Akitsu-en                            | Akitsu-cho, Mits 4372-1                                        | 0846-46-0290  | 6 tháng tuổi ~ trước khi vào tiểu học |                                                                                                             |
| Toyosaka      | Seikatsu-no-mori ochien                       | Toyosaka-cho, Kiyotake 1311-3                                  | 0824-01-3848  | 3 tuổi ~ trước khi vào tiểu học       |                                                                                                             |

(Chú ý 1): "Cơ sở nuôi dạy trẻ do doanh nghiệp quản lý" là cơ sở trông giữ, nuôi dạy trẻ được thiết lập nằm trong cơ sở kinh doanh, tuy nhiên, sẽ có trường hợp người không phải là nhân viên trực thuộc vẫn có thể sử dụng (suất dành cho cộng đồng).